

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

Đỗ Thị Kim Ngân

**GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ DÂN SỰ TRONG VỤ ÁN HÌNH SỰ
TỪ THỰC TIỄN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2018

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

Đỗ Thị Kim Ngân

**GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ DÂN SỰ TRONG VỤ ÁN HÌNH SỰ
TỪ THỰC TIỄN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Chuyên ngành: Luật hình sự và tố tụng hình sự
Mã số: 8 38 01 04

LUẬN VĂN THẠC SỸ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:
PGS.TS. HOÀNG THỊ MINH SƠN

HÀ NỘI - 2018

LỜI CAM ĐOAN

Tác giả xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu khoa học của riêng tác giả. Các số liệu ghi trong luận văn là trung thực. Những kết luận khoa học của luận văn chưa từng được công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

TÁC GIẢ LUẬN VĂN

Đỗ Thị Kim Ngân

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: LÝ LUẬN VỀ GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ DÂN SỰ TRONG VỤ ÁN HÌNH SỰ	7
1.1 Khái niệm, đặc điểm và ý nghĩa của việc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự.....	7
1.2 Nội dung, hình thức và ý nghĩa của việc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự.....	15
1.3 Mối quan hệ giữa nguyên tắc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự với các nguyên tắc liên quan trong tố tụng hình sự	34
Chương 2: QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ DÂN SỰ TRONG VỤ ÁN HÌNH SỰ VÀ THỰC TIỄN GIẢI QUYẾT TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	40
2.1. Pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự.....	40
2.2. Pháp luật luật tố tụng hình sự một số nước trên thế giới về giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự và kinh nghiệm đối với Việt Nam.....	47
2.3. Thực tiễn giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh.....	53
Chương 3: GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM THỰC HIỆN ĐÚNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ DÂN SỰ TRONG VỤ ÁN HÌNH SỰ TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	67
3.1. Giải pháp về lập pháp	67
3.2. Giải pháp về thực hiện pháp luật	70
3.3. Các giải pháp khác.....	72
KẾT LUẬN	74
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BLDS	Bộ luật Dân sự
BLHS	Bộ luật Hình sự
BLTTDS	Bộ luật tố tụng dân sự
BLTTHS	Bộ luật Tố tụng hình sự
TAND	Tòa án nhân dân
TTHS	Tố tụng hình sự
VAHS	Vụ án hình sự

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

Bảng 3.1: Tổng hợp số vụ án hình sự có giải quyết vấn đề dân sự từ năm 2013 - 2017 tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh 555

Bảng 3.2: Tổng hợp số vụ án hình sự có giải quyết vấn đề dân sự bị kháng cáo, kháng nghị từ năm 2013 - 2017 tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh 555

Bảng 3.3: Tổng hợp số vụ án hình sự có giải quyết vấn đề dân sự bị kháng cáo, kháng nghị phần dân sự từ năm 2013 - 2017 tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh 566

Bảng 3.4: Tổng hợp kết quả xét xử phúc thẩm số vụ án hình sự có giải quyết vấn đề dân sự bị kháng cáo, kháng nghị phần dân sự từ năm 2013 - 2017 tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh..... 577

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Xét xử vụ án hình sự là hoạt động trung tâm, đóng vai trò chính đó là Tòa án có thẩm quyền căn cứ vào các quy định của pháp luật tố tụng hình sự tiến hành rà soát và đánh giá một cách toàn diện, khách quan, đầy đủ các chứng cứ, các tình tiết của vụ án hình sự để giải quyết, phán xét và quyết định bị cáo có tội hay không bằng việc tuyên một bản án công minh, đúng pháp luật, có căn cứ, đảm bảo sức thuyết phục tránh bỏ lọt tội phạm và kết án oan người vô tội, góp phần có hiệu quả vào cuộc đấu tranh phòng và chống tội. Vì vậy, bên cạnh giải quyết tốt các vấn đề trong vụ án hình sự thì cũng cần phải quan tâm tới những vấn đề dân sự khác có liên quan.

Nhưng trên thực tế, vì nhiều nguyên nhân khác nhau là do chủ quan hay do khách quan nên trong thực tiễn xét xử, các cơ quan tiến hành tố tụng gặp nhiều khó khăn khi giải quyết vấn đề này, dẫn đến có nhiều bản án hoặc quyết định của Tòa án bị hủy về phần dân sự do vi phạm pháp luật tố tụng hình sự. Bên cạnh đó, pháp luật quy định vấn đề này chưa được cụ thể và chặt chẽ nên dễ gây cản trở cho Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án trong quá trình tố tụng. Ngoài ra, Thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm kinh tế của đất nước nên tập trung nhiều thành phần kinh tế, nhiều tầng lớp, trình độ dân trí cũng có sự phân hóa, tình hình tội phạm phức tạp. Vì vậy, việc áp dụng pháp luật trong việc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự còn nhiều sai sót nhất định.

Ngoài ra, thực trạng nghiên cứu về nội dung giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự vẫn còn ít và là vấn đề phức tạp. Việc nghiên cứu nguyên tắc này đòi hỏi phải có phương pháp tổng hợp vì nó liên quan chặt chẽ đến BLHS, BLDS và BLTTDS. Ngoài ra đây là vấn đề phát sinh trong vụ án hình sự nên các cơ quan tiến hành tố tụng cũng như những người tiến hành tố tụng thường không quan tâm đúng mức tới việc giải quyết vấn đề trách nhiệm dân sự mà chỉ chú trọng đến việc giải quyết vấn đề trách nhiệm hình sự. Nhiều vụ án hình sự không xác định đúng thiệt hại, quyết định không đúng mức bồi thường,... làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích chính đáng của những người tham gia tố tụng.

Vì vậy việc hoàn thiện các quy định pháp luật về giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự là một việc cần thiết và là nội dung quan trọng trong việc hoàn thiện chính sách pháp luật hình sự. Bên cạnh đó, việc tìm ra những khó khăn và thuận lợi trong quá trình áp dụng việc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự vào trong thực tiễn là vấn đề tất yếu và sẽ góp phần trong việc định hướng, chi phối toàn bộ quá trình giải quyết vụ án từ giai đoạn khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử.

Với cách đặt vấn đề như vậy, có thể thấy vẫn còn những hạn chế của nguyên tắc này. Làm thế nào để áp dụng pháp luật đúng trong việc xác định thiệt hại? Liệu tách vụ án dân sự ra khỏi vụ án hình sự có làm sáng tỏ vụ án và giải quyết đúng bản chất vụ án? Để trả lời những câu hỏi này, đòi hỏi cấp bách hiện nay đó là cần triển khai nguyên tắc này một cách có hệ thống, trước tiên là làm sáng tỏ những vấn đề lý luận cơ bản, đánh giá thực tiễn áp dụng và từ đó đưa ra những kiến nghị và giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng của nguyên tắc này. Chính vì những lý do đó, tác giả đã lựa chọn ***“Giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự từ thực tiễn Thành phố Hồ Chí Minh”*** làm đề tài luận văn thạc sĩ của mình.

2. Tình hình nghiên cứu

Hiện nay, việc nghiên cứu luật tố tụng hình sự Việt Nam cũng như trong thực tiễn áp dụng đối với việc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự vẫn chưa được quan tâm, nghiên cứu một cách đầy đủ, có hệ thống và toàn diện. Giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự được đề cập trong các luận văn thạc sĩ, bài viết đăng trên các tạp chí của một số tác giả như:

- Nguyễn Thanh Tùng (2016), *Vấn đề dân sự trong vụ án hình sự từ thực tiễn thành phố Hà Nội*, Luận văn thạc sĩ, Học viện khoa học xã hội: Luận văn đã làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận liên quan đến nguyên tắc như: khái niệm, đặc điểm của nguyên tắc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự, phân tích mối quan hệ giữa nguyên tắc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự với một số nguyên tắc liên quan của BLTTHS, những nội dung cơ bản của nguyên tắc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự theo BLTTHS Việt Nam; trên cơ sở thực tiễn xét xử chỉ ra những điểm bất cập để đề xuất những kiến nghị và giải pháp nhằm nâng cao hiệu

quả trong việc áp dụng nguyên tắc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự [46].

- Nguyễn Thị Thu Hương (2009), *Nguyên tắc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự*, Luận văn thạc sĩ Luật hình sự, Đại học quốc gia Hà Nội: Luận văn nghiên cứu một số vấn đề chung về nguyên tắc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự. Tìm hiểu nguyên tắc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam. Phân tích thực trạng nguyên tắc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự ở Việt Nam hiện nay. Đưa ra các kiến nghị nhằm hoàn thiện nguyên tắc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự trong thực tiễn xét xử [11].

- Ngoài ra còn các công trình khác như: Hoàng Thị Sơn (1998), “*Việc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự*”, Tạp chí Luật học số 6/1998 [24]; Đỗ Văn Đại (2007), “*Bàn về việc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự*”, Tạp chí kiểm sát, số 9 [8]; Đinh Văn Quế (2009), “*Kháng nghị giám đốc thẩm về dân sự trong vụ án hình sự*”, Tạp chí Tòa án nhân dân số 9 [15]; Nguyễn Xuân Đàng (2005), “*Giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự*”, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 21 [9]; Nguyễn Văn Trọng (2007), “*Bàn về thủ tục tố tụng khi điều tra lại hoặc xét xử lại phần dân sự trong vụ án hình sự*”, Tạp chí Kiểm sát, số 9 [42].

Các công trình trên đã bước đầu tiếp cận và phân tích một số nội dung liên quan đến giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự dưới góc độ luật thực định hoặc dưới góc độ nguyên tắc của tố tụng hình sự, chưa chỉ ra được những hạn chế, vướng mắc trong thực tiễn thực hiện và nguyên nhân của hạn chế, vướng mắc dưới góc độ khoa học cũng như giải pháp bảo đảm thực hiện tại thành phố Hồ Chí Minh. Những nội dung này được tác giả tiếp tục nghiên cứu, đánh giá, bình luận và là tài liệu tham khảo để tác giả hoàn thành luận văn thạc sĩ của mình.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở nghiên cứu những vấn đề lý luận, quy định của pháp luật và thực tiễn áp dụng việc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự, luận văn xây dựng

các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích nói trên, luận văn xác định và thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu sau đây:

Thứ nhất: thu thập, hệ thống hóa các nghiên cứu về giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự có tính tiêu biểu, chọn lọc, phân tích, đánh giá các tài liệu này theo những nội dung cụ thể và đưa ra các bình luận về xu hướng nghiên cứu nguyên tắc này trong thời gian qua;

Thứ hai: luận giải những vấn đề lý luận về giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự như khái niệm, ý nghĩa, bản chất và phạm vi giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự,...;

Thứ ba: nghiên cứu những quy định chung về giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam, thủ tục giải quyết và thực tiễn áp dụng;

Thứ tư: tổng hợp số liệu các vụ án hình sự có liên quan đến việc bồi thường dân sự và từ đó đưa ra những nhận xét, đánh giá, kiến nghị giải pháp hoàn thiện về việc áp dụng nguyên tắc này trên thực tế.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu trọng tâm của luận văn bao gồm:

Thứ nhất, những vấn đề lý luận về giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự như khái niệm, đặc điểm việc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự dưới góc độ là hoạt động tố tụng.

Thứ hai, các quy định pháp luật về giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự.

Thứ ba, thực trạng và giải pháp để đảm bảo thực hiện đúng quy định pháp luật về việc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Luận văn xác lập phạm vi nghiên cứu là nghiên cứu về lý luận, quy định của pháp luật tố tụng hình sự và pháp luật tố tụng dân sự có tham khảo Luật của một số nước trên thế giới.

Luận văn tiếp cận thực tiễn áp dụng các quy phạm pháp luật về giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự và kết hợp đánh giá tình hình áp dụng quy định về giải quyết vấn đề dân sự trong giải quyết vụ án hình sự trong thực tiễn xét xử của Tòa án trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; từ đó kiến nghị những giải pháp hoàn thiện luật thực định và nâng cao hiệu quả áp dụng quy định giải quyết vấn đề dân sự trong thực tiễn xét xử các vụ án hình sự;

Về thời gian thì luận văn nghiên cứu thực tiễn áp dụng việc giải quyết vấn đề dân sự trong quá trình xét xử các vụ án hình sự trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh trong 05 năm (2013 - 2017).

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu vấn đề dân sự trong vụ án hình sự theo cách tiếp cận đa ngành: sử dụng phương pháp luận duy vật biện chứng, phương pháp luận duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác – Lênin, kết hợp hài hòa với các học thuyết, quan điểm, tư tưởng Hồ Chí Minh làm kim chỉ nam, đường lối của Đảng về Nhà nước và pháp luật, về quyền con người và quyền công dân trong xã hội. Mức độ sử dụng các lý thuyết nghiên cứu trên được rải đều trong từng nội dung vấn đề và có sự cân đối, một mặt vẫn giải quyết thấu đáo các vấn đề đặt ra, mặt khác, vẫn đảm bảo nội dung luận văn phù hợp với chuyên ngành Luật hình sự và Tố tụng hình sự.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn sử dụng các phương pháp nghiên cứu truyền thống như:

Thứ nhất, phương pháp tổng hợp và thống kê. Phương pháp này được tập trung sử dụng trong phần tổng quan tình hình nghiên cứu, nhằm tổng hợp, thống kê một cách có hệ thống các công trình nghiên cứu về nguyên tắc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự;

Thứ hai, phương pháp phân tích. Đây là phương pháp được áp dụng trong toàn bộ cấu trúc, nội dung luận văn. Phương pháp này được sử dụng nhằm làm sáng tỏ

các vấn đề lý luận, phân tích các nội dung và từ đó đưa ra những nhận định, đánh giá mang tính kết luận;

Thứ ba, phương pháp so sánh. Phương pháp này được dùng để so sánh các số liệu tổng hợp được qua các năm để cho thấy được sự thay đổi về quy định, áp dụng, thi hành qua từng giai đoạn.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

6.1. Ý nghĩa lý luận

Luận văn có tính hệ thống và tương đối toàn diện về thực tiễn áp dụng giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giúp chúng ta có cái nhìn tổng quát về các quy định của pháp luật có liên quan đến việc giải quyết vấn đề này mà từ trước đến nay chưa có dịp nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu sẽ làm phong phú hệ thống tri thức, hiểu biết hơn về nguyên tắc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự, thiết lập một định hướng nghiên cứu mới trong việc giải quyết vấn đề này.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Các kết quả nghiên cứu có thể được sử dụng để đánh giá thực tiễn áp dụng các quy phạm pháp luật đối với nguyên tắc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự ở nước ta hiện nay; đánh giá hiệu quả thông qua thực tiễn xét xử và các quá trình xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến nguyên tắc này. Bên cạnh đó, luận văn giúp các cơ quan tiến hành tố tụng xác định và áp dụng đúng đắn, thống nhất nguyên tắc, trình tự, thủ tục giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự trong quá trình giải quyết vụ án.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, luận văn có bố cục gồm có 03 chương:

Chương 1: Lý luận về giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự.

Chương 2: Pháp luật về giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự.

Chương 3: Thực trạng và giải pháp đảm bảo thực hiện đúng quy định của pháp luật về giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Chương 1

LÝ LUẬN VỀ GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ DÂN SỰ TRONG VỤ ÁN HÌNH SỰ

1.1 Khái niệm, đặc điểm và ý nghĩa của việc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự

1.1.1 Khái niệm giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự

Pháp luật về giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự do chưa có quy định chặt chẽ nên quá trình giải quyết những vụ án hình sự có liên quan đến vấn đề dân sự không tránh khỏi thiếu sót. Trong thực tiễn áp dụng pháp luật, trước khi pháp điển hóa vấn đề này trong BLTTHS, việc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự không thống nhất, mỗi nơi thực hiện một cách. Mặt khác, trong quá trình giải quyết các vụ án hình sự mà tội phạm xâm hại đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản... của cá nhân, tổ chức thì các cơ quan tiến hành tố tụng phải giải quyết các vấn đề liên quan đến trách nhiệm hình sự và trách nhiệm dân sự của bị can trong việc bồi thường thiệt hại về vật chất và tinh thần cho cá nhân, tổ chức bị thiệt hại [47, tr.5]. Theo pháp luật TTHS Việt Nam thì, việc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự được tiến hành cùng với việc giải quyết vụ án hình sự. Trường hợp vụ án hình sự phải giải quyết vấn đề bồi thường thiệt hại, bồi hoàn mà chưa có điều kiện chứng minh và không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án hình sự thì vấn đề dân sự có thể tách ra để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự [19, Đ.30].

Dựa vào quy định trên, chúng ta cần tìm hiểu khái niệm vấn đề dân sự trong vụ án hình sự và khái niệm giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự là gì vì thực tế hiện nay cho thấy cách hiểu khái niệm này có nhiều nhận thức quan điểm khác nhau.

Trước hết là tìm hiểu quan điểm về khái niệm vấn đề dân sự trong vụ án hình sự. Theo tác giả Đinh Văn Quế thì vấn đề dân sự trong vụ án hình sự chỉ bao gồm những khoản tiền hoặc tài sản có liên quan đến trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại quy định tại Điều 42 BLHS năm 1999 (nay là Điều 46 BLHS năm 2015) hay nói cách khác là vấn đề dân sự trong vụ án hình sự chỉ trong phạm vi

“trách nhiệm bồi thường ngoài hợp đồng” theo quy định tại chương V BLDS 1995 (nay là chương XX BLDS 2015). Đó là những quan hệ bồi thường thiệt hại phát sinh do tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của tổ chức, cá nhân bị tội phạm xâm hại [15].

Theo Công văn số 121/2003/KHXX ngày 19/9/2003 của Tòa án nhân dân tối cao quy định về việc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự quyết các vấn đề liên quan đến tài sản, bồi thường thiệt hại trong vụ án hình sự thì phần dân sự trong vụ án hình sự được hướng dẫn trong Công văn này bao gồm: đòi trả lại tài sản bị chiếm đoạt; đòi bồi thường giá trị tài sản do tài sản bị chiếm đoạt, nhưng đã bị mất hoặc bị huỷ hoại; buộc phải sửa chữa tài sản bị hư hỏng; đòi bồi thường thiệt hại về lợi ích gắn liền với việc sử dụng, khai thác tài sản, chi phí hợp lý để ngăn chặn, hạn chế và khắc phục thiệt hại do tài sản bị chiếm đoạt, bị huỷ hoại hoặc bị hư hỏng; đòi bồi thường thiệt hại do tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm [36].

Ngoài ra, cũng có những ý kiến cho rằng, vấn đề dân sự trong vụ án hình sự là tất cả những gì không phải là tội phạm và hình phạt có liên quan đến tiền hoặc tài sản như việc tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm; trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại; tiền, tài sản bị kê biên, bị thu giữ trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định của BLTTHS nhưng không thuộc trường hợp bị tịch thu, sung quỹ Nhà nước nên Tòa án quyết định hủy bỏ quyết định kê biên hoặc trả lại cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp; án phí và những khoản tiền hoặc tài sản mà cơ quan tiến hành tố tụng quyết định trong quá trình giải quyết vụ án hình sự.

Từ những quan điểm trên cho thấy khái niệm “*vấn đề dân sự trong vụ án hình sự*” là một khái niệm rộng và không dễ xác định trên thực tế. Mặc dù được quy định rõ trong BLTTHS 2015 nhưng nhà làm luật vẫn chưa xác định được và đưa ra khái niệm về “*vấn đề dân sự trong vụ án hình sự*”. Vậy có thể hiểu quy định tại Điều 30 BLTTHS 2015 rằng, ngoài vấn đề bồi thường thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra mà còn có cả vấn đề bồi hoàn và bên cạnh đó vấn đề dân sự trong vụ án hình sự là

vấn đề có thể được giải quyết cùng vụ án hình sự và cũng có thể giải quyết riêng theo thủ tục tố tụng dân sự. Ngoài ra, chúng ta cần phải xác định rõ việc bồi thường này phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại giữa người phạm tội do hành vi phạm tội cũng gây ra một số thiệt hại về thể chất, tinh thần hoặc tài sản; hoàn toàn khác với những biện pháp tư pháp mà cơ quan tiến hành tố tụng áp dụng trong quá trình giải quyết vụ án như: tịch thu vật hoặc tiền do phạm tội hoặc do mua bán, đổi chác những thứ ấy mà có; tịch thu vật hoặc trả lại vật hoặc tiền của người khác mà người phạm tội đã sử dụng vào việc thực hiện tội phạm... nhưng những quyết định này không phải là quan hệ dân sự giữa những người tham gia tố tụng trong vụ án hình sự, mà chỉ là quan hệ giữa cơ quan tiến hành tố tụng với người tham gia tố tụng.

Ta có thể đưa ra khái niệm *vấn đề dân sự trong vụ án hình sự* là “việc xem xét nghĩa vụ trả lại tài sản, sửa chữa, bồi thường thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra của người phạm tội” và vấn đề này được quy định tại Chương XX của BLDS 2015 quy định về trách nhiệm bồi thường ngoài hợp đồng. Như vậy, căn cứ để xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại bao gồm các yếu tố: có tội phạm xảy ra, có thiệt hại, có quan hệ nhân quả giữa tội phạm và thiệt hại.

Giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự là vấn đề mang tính lý luận và thực tiễn cao và là vấn đề cần quan tâm trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Theo đó, việc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự một mặt là hoạt động xác định mức bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cũng như xác định trách nhiệm bồi thường và vấn đề này được điều chỉnh bởi pháp luật dân sự nghĩa là thuộc lĩnh vực luật nội dung. Mặt khác, giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự là một quá trình giải quyết vụ án và được tiến hành theo thủ tục, trình tự luật định để xác định mức bồi thường thiệt hại và được điều chỉnh bởi pháp luật tố tụng hình sự, nghĩa là thuộc luật hình thức.

Vấn đề dân sự trong vụ án hình sự thành hai loại:

- Thứ nhất, các vấn đề dân sự có liên quan đến trách nhiệm hình sự của người phạm tội như giá trị tài sản bị chiếm đoạt; thiệt hại về vật chất hoặc tinh thần mà những thiệt hại này là yếu tố định tội hoặc định khung hình phạt.

- Thứ hai, các vấn đề dân sự không liên quan đến trách nhiệm hình sự của người phạm tội. Ví dụ như: chi phí cho việc cứu chữa nạn nhân, tiền bồi dưỡng sức khỏe, tiền mất thu nhập, tiền trợ cấp cho người mà người bị hại khi còn sống phải trợ cấp, tổn thất về tinh thần hay khoản tiền mai táng phí ..

Việc phân loại như vậy có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc giải quyết vụ án. Nó giúp cho các cơ quan tiến hành tố tụng, những người tiến hành tố tụng có thể đưa ra các quyết định đúng đắn trong việc tách hay không tách vấn đề dân sự trong vụ án hình sự. Bởi vì, trong các vụ án hình sự có liên quan đến việc giải quyết vấn đề dân sự, có nhiều trường hợp vấn đề trách nhiệm dân sự có quan hệ mật thiết với vấn đề trách nhiệm hình sự, là cơ sở của trách nhiệm hình sự, thậm chí vấn đề trách nhiệm hình sự chỉ có thể được giải quyết đúng đắn trên cơ sở giải quyết đúng vấn đề trách nhiệm dân sự. Do đó, đối với những trường hợp này thì không thể tách phần dân sự ra để giải quyết riêng bằng một vụ án dân sự khác, vì nếu tách ra để giải quyết riêng bằng vụ án khác thì sẽ không giải quyết được vấn đề trách nhiệm hình sự hoặc giải quyết vấn đề trách nhiệm hình sự không triệt để. Bên cạnh đó, đối với một số trường hợp vấn đề dân sự phát sinh trong vụ án hình sự không ảnh hưởng đến phần trách nhiệm hình sự của bị cáo thì các cơ quan tiến hành tố tụng có thể giải quyết đồng thời với vụ án hình sự hoặc tách ra để giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

Tuy nhiên, theo quy định của pháp luật, cũng có vụ án mà vấn đề dân sự phát sinh trong vụ án hình sự không ảnh hưởng đến phần trách nhiệm hình sự của bị cáo thì các cơ quan tiến hành tố tụng có thể giải quyết đồng thời với vụ án hình sự hoặc tách ra để giải quyết bằng một vụ án dân sự khác [46, tr.8].

Từ những phân tích trên, ta có thể đưa ra khái niệm về giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự như sau:

Giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự là hoạt động của cơ quan, người có thẩm quyền nhằm xác định trách nhiệm của bị can, bị cáo trong việc trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra.

1.1.2 Đặc điểm giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự

Dựa vào khái niệm nêu trên, ta có thể đưa ra những đặc điểm cơ bản của giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự như sau:

- *Thứ nhất*, giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự là một trong những nguyên tắc cơ bản của BLTTHS nên nó sẽ chứa đựng các nội dung thể hiện phương châm, định hướng của Đảng và Nhà nước về hoạt động tố tụng nói chung và về việc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự nói riêng, đồng thời thể hiện tính nhân đạo, công bằng, dân chủ. Việc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự bao gồm giải quyết trách nhiệm hình sự và giải quyết phần trách nhiệm dân sự trong vụ án phải đảm bảo tính chính xác, toàn diện, khách quan, có hiệu quả và đồng thời cũng đảm bảo các quyền, lợi ích hợp pháp của công dân được thực hiện và hoàn toàn phù hợp với tinh thần cải cách tư pháp trong giai đoạn hiện nay. Bên cạnh đó, việc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự còn có ý nghĩa thực tiễn trong việc xét xử các vụ án hình sự. Trong hoạt động thực tiễn cho thấy có nhiều vụ án hình sự được giải quyết thấu đáo thông qua việc xem xét vấn đề dân sự, như: trong việc định tội danh, định khung hình phạt đối với bị cáo hoặc khắc phục hậu quả liên quan đến vấn đề bồi thường thiệt hại còn là một tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 51 BLHS 2015 “*Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả*” [17].

- *Thứ hai*, nguyên tắc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự chỉ được áp dụng trong việc giải quyết những quan hệ về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng khi có tội phạm xuất hiện. Khi giải quyết vụ án hình sự sẽ có nhiều vấn đề dân sự phát sinh do việc thực hiện tội phạm gây ra, gây thiệt hại cho các quan hệ dân sự như: hành vi phạm tội xâm hại đến sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm, tài sản hoặc những vấn đề liên quan như tang vật, án phí, tịch thu tang vật, đòi tài sản, đòi bồi thường thiệt hại, ... nhưng không phải vấn đề nào liên quan đến tài sản mà cơ quan tiến hành tố tụng giải quyết cũng đều là vấn đề dân sự trong vụ án hình sự và nằm trong phạm vi điều chỉnh của quy định tại Điều 30 BLTTHS. Điển hình như tại Điều 48 BLHS quy định “*Người phạm tội phải trả lại tài sản đã chiếm đoạt cho*

chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp, phải sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại vật chất đã được xác định do hành vi phạm tội gây ra. Trong trường hợp phạm tội gây thiệt hại về tinh thần, Tòa án buộc người phạm tội phải bồi thường về vật chất, công khai xin lỗi người bị hại”[17].

Do đó, việc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự chỉ bao gồm việc đòi trả lại tài sản bị chiếm đoạt, đòi bồi thường giá trị tài sản do bị can, bị cáo chiếm đoạt nhưng bị mất hoặc bị hủy hoại, buộc phải sửa chữa tài sản bị hư hỏng, đòi bồi thường thiệt hại về lợi ích gắn liền với việc sử dụng, khai thác tài sản, chi phí hợp lý để ngăn chặn, khắc phục thiệt hại do tài sản bị chiếm đoạt; đòi bồi thường thiệt hại về vật chất và tinh thần do tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm hay nói cách khác vấn đề dân sự trong vụ án hình sự chỉ được xác định trong phạm vi "trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng" theo quy định tại chương XX BLDS. Vì vậy, những quan hệ pháp luật dân sự trong vụ án hình sự là những quan hệ bồi thường thiệt hại phát sinh do tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của tổ chức, cá nhân bị tội phạm xâm hại. Bên cạnh đó, để giải quyết triệt để vụ án hình sự thì ngoài việc xử lý hình sự Tòa án còn phải xử lý về dân sự để đảm bảo cho quyền lợi của những người bị thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra.

- *Thứ ba*, vấn đề dân sự trong vụ án hình sự được giải quyết khi có quyết định khởi tố và vấn đề bồi thường thiệt hại có liên quan thì việc dân sự đó đương nhiên được xem xét và giải quyết mà không cần phải khởi kiện riêng bằng một thủ tục khác nữa. Đây là một điểm khác biệt với việc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án dân sự vì theo thủ tục tố tụng dân sự thì vụ án dân sự chỉ được đặt ra và xem xét giải quyết khi có đơn khởi kiện của các chủ thể có quyền khởi kiện theo quy định tại các Điều 186, Điều 187 BLTTDS 2015. Ngược lại, trong vụ án hình sự, sau khi có quyết định khởi tố vụ án mà có vấn đề dân sự cần phải giải quyết thì cơ quan tiến hành tố tụng cần phải đưa những chủ thể có liên quan đến vấn đề dân sự vào xem xét giải quyết mà không cần phải khởi kiện riêng bằng một thủ tục khác nữa. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án thì những chủ thể liên quan đến vấn đề dân sự có quyền đưa ra yêu cầu, cung cấp các tài liệu, chứng cứ để giải quyết vấn đề dân

sự liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Thời điểm nguyên đơn dân sự có đơn yêu cầu bồi thường là thời điểm vấn đề dân sự trong vụ án hình sự bắt đầu được giải quyết.

- *Thứ tư*, việc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự phải tuân theo các quy định của BLTTHS. Tuy xét về bản chất thì vấn đề dân sự trong vụ án hình sự là quan hệ pháp luật dân sự nhưng nó phát sinh trên cơ sở hành vi phạm tội, thậm chí còn là yếu tố quan trọng trong việc xác định trách nhiệm hình sự cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự về nội dung phải tuân theo các quy định của BLDS nhưng về hình thức phải tuân theo trình tự, thủ tục của BLTTHS chứ không phải tuân theo thủ tục, trình tự của BLTTDS.

- *Thứ năm*, khi giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự quyết thì Tòa án sẽ tiến hành kết hợp nguyên tắc của BLTTHS và nguyên tắc của BLTTDS để giải quyết. Bên cạnh việc áp dụng các nguyên tắc trong tố tụng hình sự để xét xử vấn đề dân sự thì Tòa án còn áp dụng một số nguyên tắc của tố tụng dân sự nhằm đảm bảo quyền lợi cho các đương sự tham gia tố tụng như nguyên tắc đảm bảo sự bình đẳng giữa các đương sự, nguyên tắc đảm bảo quyền tự định đoạt của đương sự, Mặc dù đây là vấn đề dân sự trong vụ án hình sự nhưng thực chất đó vẫn là quan hệ dân sự, mà đặc thù của quan hệ pháp luật dân sự là quan hệ bình đẳng giữa các bên đương sự do đó cần phải đảm bảo quyền bình đẳng thỏa thuận giữa các đương sự khi tham gia tố tụng. Ngoài ra, trong tố tụng hình sự việc chứng minh tội phạm thuộc trách nhiệm của các cơ quan tiến hành tố tụng. Cơ quan tiến hành tố tụng phải điều tra, thu thập chứng cứ để chứng minh tội phạm và việc thực hiện phải tuân theo các nguyên tắc của tố tụng hình sự, do vậy các cơ quan tiến hành tố tụng có trách nhiệm điều tra, thu thập chứng cứ để làm sáng tỏ vụ án bao gồm cả việc điều tra, thu thập chứng cứ để làm rõ về phần trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự. Ngược lại thì trong tố tụng dân sự thì nghĩa vụ cung cấp chứng cứ để chứng minh thuộc về các đương sự. Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ mà chỉ xét xử trên cơ sở chứng cứ của các bên đương sự cung cấp. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 2 Điều 6 BLTTDS 2015 thì Tòa án vẫn tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ trong

những trường hợp luật định. Dựa vào những giải thích trên thì tác giả Hoàng Thị Sơn có ý kiến “*Nếu vấn đề dân sự được giải quyết ngay trong vụ án hình sự thì cơ quan điều tra có thể làm sáng tỏ các tình tiết liên quan đến việc bồi thường ngay từ khi tiến hành điều tra vụ án. Vì tuy là vấn đề dân sự nhưng nó là vấn đề phát sinh từ vụ án hình sự. Ngược lại, nếu vấn đề đó được giải quyết riêng ở phiên tòa dân sự thì khả năng đó sẽ không còn nữa bởi lẽ cơ quan điều tra không có trách nhiệm điều tra, xác minh các tình tiết của vụ án dân sự*” [14].

- Thứ sáu, trong pháp luật tố tụng hình sự thì quá trình giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự, Tòa án không bắt buộc phải mở các phiên hòa giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự giữa các đương sự như trong tố tụng dân sự. Thủ tục mở phiên hòa giải không phải là thủ tục bắt buộc mà Tòa án phải thực hiện khi chuẩn bị xét xử phiên tòa sơ thẩm vấn đề dân sự trong vụ án hình sự. Tuy nhiên, trong thực tiễn xét xử, các cơ quan tiến hành tố tụng vẫn tạo điều kiện cho các bên tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự. Trường hợp các đương sự tự nguyện thỏa thuận được với nhau thì Tòa án công nhận việc thỏa thuận này của các đương sự và sự thỏa thuận này được ghi vào phần quyết định của bản án chứ Tòa án không phải ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Đây là điểm khác biệt lớn so với tố tụng dân sự vì trong tố tụng dân sự Tòa án cấp sơ thẩm bắt buộc phải tiến hành mở các phiên hòa giải giữa các đương sự và việc hòa giải được tiến hành trước và tại phiên tòa. Nếu các đương sự thỏa thuận được với nhau thì Tòa án ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của đương sự.

- Thứ bảy, vấn đề dân sự trong vụ án hình sự được giải quyết khi khởi tố vụ án hình sự mà không cần có đơn khởi kiện của đương sự. Khi vụ án hình sự có vấn đề dân sự phát sinh do việc thực hiện tội phạm bị khởi tố thì việc dân sự đó đương nhiên được xem xét và giải quyết mà không cần phải khởi kiện riêng bằng một thủ tục khác nữa. Theo thủ tục tố tụng dân sự thì vụ án dân sự chỉ được đặt ra và xem xét giải quyết khi có đơn khởi kiện của các chủ thể có quyền khởi kiện theo quy định tại các Điều 161, Điều 162 BLTTDS, theo đó, cá nhân, tổ chức có quyền tự

mình hoặc thông qua đại diện hợp pháp khởi kiện vụ án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình và Tòa án chỉ giải quyết khi có đơn khởi kiện dân sự. Trong vụ án hình sự, khi đã khởi tố vụ án mà có vấn đề dân sự liên quan đến việc thực hiện tội phạm thì các cơ quan tiến hành tố tụng sẽ xem xét giải quyết ngay mà không cần phải có thủ tục khởi kiện dân sự khác nữa. Như vậy, vấn đề dân sự trong vụ án hình sự sẽ được xem xét và giải quyết ngay từ giai đoạn khởi tố vụ án hình sự mà không cần phải có bất kể thủ tục nào khác nữa, kể cả thủ tục phải có yêu cầu khởi kiện của các chủ thể có quyền khởi kiện theo quy định của BLTTDS.

1.2 Nội dung, hình thức và ý nghĩa của việc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự

1.2.1 Nội dung của việc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự

Hành vi phạm tội xảy ra không chỉ xâm hại đến những quan hệ do pháp luật hình sự bảo vệ mà còn gây thiệt hại cho các quan hệ dân sự và vấn đề dân sự có được giải quyết cùng với vụ án hình sự hay không thì còn tùy thuộc vào đặc điểm kinh tế, xã hội, pháp luật của mỗi quốc gia và phải tôn trọng và bảo vệ các quyền cơ bản của công dân được ghi nhận tại Điều 20 Hiến pháp 2013 “*Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khỏe, danh dự và nhân phẩm*” [16] và đó cũng là nội dung trọng tâm khi bàn về vấn đề này.

Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự có hai nội dung như sau:

- *Thứ nhất:* việc giải quyết vấn đề dân sự phải được tiến hành cùng với việc giải quyết vụ án hình sự. Theo đó, khi giải quyết vụ án hình sự mà tội phạm xâm hại đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản,... của cá nhân hoặc tổ chức thì ngoài việc cơ quan điều tra, truy tố, xét xử về hình sự, áp dụng hình phạt đối với người phạm tội, các cơ quan tiến hành tố tụng còn phải giải quyết vấn đề bồi thường thiệt hại về vật chất và tinh thần do cá nhân, tổ chức bị thiệt hại theo quy định của pháp luật [11]. Việc chứng minh, giải quyết vấn đề dân sự được tiến hành đồng thời với việc chứng minh giải quyết những vấn đề thuộc trách nhiệm hình sự, do đó không thể giải quyết vấn đề dân sự sau khi hoàn tất giải quyết trách nhiệm hình sự. Nhiệm vụ của cơ quan tiến hành tố tụng trong trường hợp vụ án có vấn đề dân sự

liên quan đến tội phạm là xác minh, làm rõ trách nhiệm dân sự của các đương sự trong vụ án. Các cơ quan tiến hành tố tụng phải xác định được các mối quan hệ có liên quan đến vấn đề dân sự cần giải quyết như mối quan hệ về bồi thường thiệt hại về vật chất và tinh thần do tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản bị xâm phạm; mối quan hệ về đòi tài sản; mối quan hệ về đòi bồi thường giá trị tài sản do bị can, bị cáo chiếm đoạt nhưng bị mất hoặc bị hủy hoại; mối quan hệ về việc yêu cầu sửa chữa tài sản bị hư hỏng, bị hủy hoại.... Xác định những người tham gia tố tụng gồm những ai, tư cách tham gia tố tụng của họ như thế nào (họ tham gia tố tụng với tư cách là bị can, bị cáo, bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự hay người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án). Trên thực tế, khi vụ án ở giai đoạn điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát thường không xác định chính xác tư cách tham gia tố tụng của những người có liên quan đến vấn đề dân sự trong vụ án. Việc xác định thường được thực hiện một cách chung chung và chỉ đến giai đoạn xét xử, Tòa án mới là cơ quan tiến hành tố tụng phải xác định chính xác tư cách tham gia tố tụng của từng chủ thể. Thực tế này cũng là phù hợp. Bởi lẽ ở giai đoạn điều tra, truy tố thì vấn đề quan trọng là điều tra, làm rõ những nội dung liên quan đến phần dân sự như tiến hành lấy lời khai, đối chất, yêu cầu của đương sự cung cấp tài liệu, chứng cứ... Việc xác định tư cách chủ thể tham gia tố tụng không ảnh hưởng nhiều tới hoạt động điều tra này. Còn ở giai đoạn xét xử, việc xác định tư cách chủ thể tham gia tố tụng có ảnh hưởng nhiều tới quyền và nghĩa vụ tố tụng của các chủ tham gia tố tụng, đặc biệt là quyền kháng cáo. Xác định nội dung của các mối quan hệ có liên quan đến vấn đề dân sự cần giải quyết như: xác định mức độ thiệt hại đã xảy ra, mức độ lỗi của các chủ thể tham gia tố tụng... để từ đó có thể xác định đúng mức bồi thường thiệt hại. Các cơ quan tiến hành tố tụng phải tiến hành điều tra, xác minh để làm rõ về những vấn đề nêu trên và đưa ra hướng giải quyết đối với toàn bộ vấn đề dân sự trong VAHS. Nguyên tắc chung là khi giải quyết vấn đề dân sự trong VAHS, về nội dung là các cơ quan tiến hành tố tụng áp dụng của BLDS, còn về thủ tục, các cơ quan tiến hành tố tụng áp dụng những quy định của BLTTHS quy định việc giải quyết vấn đề dân sự trong VAHS trên cơ sở

kết hợp với các nguyên tắc của BLTTDS. BLTTHS quy định việc giải quyết vấn đề dân sự được tiến hành đồng thời với việc giải quyết vấn đề phần trách nhiệm hình sự của vụ án là một giải pháp hợp lý vì đối với người bị hại sẽ được thuận tiện hơn khi ra yêu cầu can thiệp đối với các Cơ quan tiến hành tố tụng và người bị thiệt hại cũng có thể sử dụng những chứng cứ mà các Cơ quan tiến hành tố tụng đã thu thập được để phục vụ cho việc giải quyết vấn đề dân sự. Vì vậy, khi áp dụng trách nhiệm dân sự đối với người phạm tội không chỉ làm tăng khả năng trừng trị mà còn có ý nghĩa giáo dục đối với bản thân họ và còn có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung. Hơn nữa, quan hệ dân sự trong vụ án hình sự không chỉ là quan hệ dân sự thông thường mà việc thực hiện trách nhiệm dân sự của bị can, bị cáo còn nhằm thực hiện trách nhiệm hình sự của họ. Bên cạnh đó, việc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự có ý nghĩa quan trọng trong việc xác định tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, đồng thời còn có giá trị như chứng cứ để chứng minh về tội phạm, là cơ sở để áp dụng trách nhiệm hình sự đối với bị can, bị cáo. Ngoài ra, việc giải quyết vấn đề dân sự được tiến hành cùng lúc với vụ án hình sự sẽ làm giảm bớt thời gian, công sức, vụ án được giải quyết nhanh gọn, chính xác và trên hết là đảm bảo quyền lợi của bị hại, nguyên đơn dân sự, người có quyền và nghĩa vụ liên quan khi bị tội phạm xâm hại. Nhiều chứng cứ trong vụ án hình sự còn là tiền đề, là cơ sở để giải quyết cho việc giải quyết vấn đề dân sự.

- *Thứ hai:* tách vấn đề dân sự ra khỏi quá trình giải quyết vụ án hình sự khi có hai điều kiện cần và đủ sau đây: một là khi chưa có đủ điều kiện chứng minh để giải quyết đúng đắn vấn đề bồi thường, bồi hoàn và hai là việc tách vấn đề bồi thường, bồi hoàn không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án hình sự. Có thể thấy căn cứ chung để thực hiện việc tách phần dân sự trong VAHS theo quy định tại điều 30 BLTTHS là việc chưa có điều kiện chứng minh về phần bồi thường, bồi hoàn và việc tách này không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án hình sự. Nội dung này được làm rõ trong công văn số 121/2003/KHXX ngày 19/9/2003 của Tòa án nhân dân tối cao về việc giải quyết các vấn đề liên quan đến tài sản, bồi thường thiệt hại trong VAHS. Theo đó, thì các căn cứ để tách phần dân sự trong VAHS là: phần dân

sự được tách không liên quan đến việc xác định cấu thành tội phạm, việc xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS của bị cáo; chưa tìm được, chưa xác định được người bị hại hoặc nguyên đơn dân sự; người bị hại hoặc nguyên đơn dân sự chưa có yêu cầu; người bị hại hoặc nguyên đơn dân sự có yêu cầu nhưng không cung cấp đầy đủ chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình; người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự vắng mặt tại phiên tòa và việc này thực sự gây trở ngại cho việc giải quyết phần dân sự. Như vậy, ở mức độ khái quát nhất có thể hiểu căn cứ “*Việc tách vấn đề dân sự trong vụ án hình sự không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án*” theo điều 30 BLTTHS chính là phần dân sự được tách không liên quan đến việc xác định cấu thành tội phạm, việc xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS của bị can, bị cáo. Còn căn cứ “chưa có điều kiện chứng minh về phần bồi thường” tức là chưa xác định được bị hại hoặc nguyên đơn dân sự; người bị hại và nguyên đơn dân sự chưa có yêu cầu nhưng không cung cấp đầy đủ chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình; bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự vắng mặt tại phiên tòa và việc này thực sự gây trở ngại cho việc giải quyết phần dân sự. Bên cạnh việc quy định tách vấn đề dân sự trong VAHS tại cấp sơ thẩm công văn số 121/2003/KHXX ngày 19/9/2003 của Tòa án nhân dân tối cao về việc giải quyết các vấn đề liên quan đến tài sản, bồi thường thiệt hại trong VAHS còn nêu rõ việc tách vấn đề dân sự trong VAHS tại cấp phúc thẩm “*trong trường hợp Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện các biện pháp xác minh, thu thập chứng cứ nhưng vẫn không được và thuộc một trong các trường hợp cần tách phần dân sự trong VAHS để giải quyết bằng một vụ án dân sự theo thủ tục tố tụng dân sự khi có yêu cầu, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm vẫn tiến hành xét xử, thì Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy quyết định của bản án sơ thẩm về phần dân sự trong VAHS và tách phần dân sự này để giải quyết bằng vụ án dân sự theo thủ tục tố tụng dân sự khi có yêu cầu*” [36]. Công văn số 121 cũng xác định việc tách phần dân sự trong VAHS tại phiên tòa giám đốc thẩm, tái thẩm như sau: “*Nếu xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện các biện pháp để xác minh, thu thập chứng cứ, bổ sung chứng cứ song vẫn không được và thuộc một trong các trường hợp cần tách phần dân sự trong VAHS để giải quyết*

bằng vụ án dân sự, khi có yêu cầu, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm vẫn tiến hành xét xử, thì Hội đồng xét xử giám đốc thẩm hoặc tái thẩm hủy quyết định của bản án phúc thẩm, quyết định của bản án sơ thẩm về phần dân sự và tách phần dân sự để giải quyết bằng vụ án dân sự theo thủ tục tố tụng dân sự khi có yêu cầu”[36]. Liên quan đến việc tách vấn đề dân sự trong VAHS, điều 292 BLTTHS còn quy định trường hợp sự vắng mặt của bị hại, đương sự và người đại diện của họ chỉ trở ngại cho việc giải quyết vấn đề bồi thường thì Hội đồng xét xử có thể tách việc bồi thường để xét xử sau theo thủ tục tố tụng dân sự [19]. Như vậy, BLTTHS và Công văn số 121 mới chỉ quy định thẩm quyền tách vấn đề dân sự trong VAHS thuộc về Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm, phúc thẩm và Hội đồng xét xử Giám đốc thẩm. Một vấn đề đặt ra là liệu các cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án có quyền ra quyết định tách vấn đề dân sự trong VAHS ra để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự không hay việc tách vấn đề dân sự chỉ được thực hiện bởi Hội đồng xét xử tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm? Những người tham gia tố tụng có được quyền đề nghị tách vấn đề dân sự trong vụ án hình sự không?

1.2.2 Hình thức giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự

- *Giải quyết cùng vụ án hình sự và tuân theo các quy định của BLTTHS*

Điều 30 BLTTHS 2015 quy định “Việc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự được tiến hành cùng với việc giải quyết vụ án hình sự...”[19]. Do vấn đề dân sự được giải quyết trong cùng vụ án hình sự nên ngoài việc áp dụng các quy định, trình tự của BLTTHS thì khi giải quyết vấn đề dân sự trong VAHS còn phải tuân theo những nguyên tắc riêng của tố tụng dân sự nhằm đảm bảo quyền bình đẳng của các đương sự khi tham gia tố tụng. Tuy nhiên, Tòa án không thể đồng thời áp dụng cả thủ tục tố tụng hình sự và thủ tục tố tụng dân sự để giải quyết một vụ án mà chỉ có thể áp dụng thủ tục TTHS trên cơ sở kết hợp với những nguyên tắc và thủ tục của tố tụng dân sự để giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án đó. Vì vậy, việc giải quyết vấn đề dân sự trong VAHS sẽ tuân theo thủ tục TTHS trên cơ sở kết hợp với các nguyên tắc của tố tụng dân sự. Trên cơ sở đó thì quá trình giải quyết dân sự

trong vụ án hình sự phải tuân thủ các quy định của BLTTHS từ việc yêu cầu bồi thường, hòa giải, thỏa thuận, đến việc từ chối nhận bồi thường. Bên cạnh đó, việc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự phải xem xét đến việc xác định rõ vấn đề thiệt hại, quan hệ pháp luật giữa những người tham gia tố tụng, cụ thể là bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự và nhiệm vụ của cơ quan tiến hành tố tụng trong việc giải quyết vấn đề dân sự trong VAHS. Việc xác định đúng tư cách tham gia của chủ thể trong qua trình tham gia của chủ thể trong qua trình giải quyết phần dân sự trong vụ án hình sự không chỉ tạo điều kiện đảm bảo cho việc giải quyết một cách nhanh chóng, chính xác, khách quan mà còn bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho các chủ thể tham gia vào quá trình tố tụng.

Theo quy định của BLTTHS 2015 thì vị trí của những người tham gia tố tụng được quy định như sau:

❖ Bị hại:

Theo quy định của BLTTHS năm 2015 thì, *“Bị hại là cá nhân trực tiếp bị thiệt hại về thể chất, tinh thần, tài sản hoặc là cơ quan, tổ chức bị thiệt hại về tài sản, uy tín do tội phạm gây ra hoặc đe dọa gây ra”* [19, Đ.62]. Đây là một điểm mới so với BLTTHS 2003 vì bị hại không chỉ gồm cá nhân bị thiệt hại về tài sản mà còn bao gồm tổ chức bị thiệt hại về tài sản và uy tín. Nội hàm của định nghĩa về *“bị hại”* được nhà làm luật mô tả theo hướng mở rộng hơn bao gồm cả cơ quan, tổ chức nhưng chặt chẽ, rõ ràng và cụ thể hơn. Khái niệm *“bị hại”* là chủ thể đặc trưng trong vụ án hình sự chứ không có trong khái niệm vụ án dân sự, mặc dù họ tham gia vào vụ án hình sự để giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự giải quyết phần dân sự. Theo quan điểm của PGS.TS Hoàng Thị Minh Sơn thì *“bị hại phải được hiểu là con người pháp lý chứ không chỉ là con người tự nhiên nên bị hại có thể là cá nhân hay cơ quan, tổ chức”*[22]. Theo như quy định của BLTTHS 2015 thì bị hại có các đặc điểm sau đây: thứ nhất, về chủ thể bị hại bao gồm là cá nhân, pháp nhân, tổ chức; thứ hai, thiệt hại do tội phạm gây ra được phân chia bao gồm: cá nhân trực tiếp bị thiệt hại về thể chất, tinh thần, tài sản hoặc là cơ quan, tổ chức bị thiệt hại về tài sản, uy tín; thứ ba, thiệt hại của bị hại phải là đối tượng tác động của tội phạm,

tức là phải có mối liên hệ nhân quả giữa hành vi phạm tội với hậu quả gây ra cho bị hại và đây là điều kiện quan trọng để phân biệt giữa bị hại và nguyên đơn dân sự hay các đương sự khác trong vụ án hình sự; thứ tư, cá nhân, cơ quan, tổ chức bị thiệt hại chỉ được tham gia tố tụng với tư cách là bị hại khi và chỉ khi được cơ quan tiến hành tố tụng công nhận.

Việc xác định đúng tư cách tham gia tố tụng “bị hại” bảo đảm quyền và nghĩa vụ của họ được thực hiện trong suốt quá trình tố tụng theo quy định của BLTTHS. Sự thiệt hại đó phải là thiệt hại trực tiếp do chính tội phạm gây ra, thiệt hại đó phải có mối liên hệ nhân quả với hành vi phạm tội. Do đó, việc xác định ai là bị hại trong vụ án hình sự rất quan trọng vì xác định không đúng có thể dẫn đến việc xử lý không công minh, gây hậu quả bất lợi cho người bị hại và cả người có hành vi phạm tội.

Trong quá trình tham gia giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự, bị hại không phải làm đơn yêu cầu, trừ trường hợp khởi tố theo yêu cầu người bị hại tại Điều 155 BLTTHS 2015 nhưng cơ quan tiến hành tố tụng vẫn phải giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự quyết vì quyền và lợi ích của họ liên quan đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản bị xâm phạm một cách trực tiếp và việc chứng minh sự thiệt hại này ngoài việc cung cấp chứng cứ chứng minh cho sự thiệt hại của người bị hại thì cơ quan tiến hành tố tụng cũng có trách nhiệm chứng minh trong vấn đề này. Bởi đây là quan hệ xã hội được pháp luật tôn trọng và bảo vệ tuyệt đối. Điều này một lần nữa thể hiện bản chất của quan hệ pháp luật tố tụng hình sự là tìm ra chân lý làm sáng tỏ tình tiết vụ án để đưa ra mức hình phạt và bồi thường thiệt hại tương ứng với hành vi phạm tội.

Xét về mặt hình thức, người bị thiệt hại về thể chất, tinh thần, uy tín, tài sản do tội phạm gây ra chỉ trở thành bị hại trong vụ án hình sự khi họ được cơ quan có thẩm quyền công nhận là bị hại thông qua hành vi triệu tập họ đến khai báo với tư cách bị hại. Trong trường hợp hành vi phạm tội không bị phát hiện và xử lý hoặc trường hợp không xác định được người hay tổ chức bị thiệt hại mặc dù trên thực tế có người hay tổ chức bị thiệt hại về vật chất, tinh thần, tài sản do hành vi phạm tội gây ra thì người đó cũng không trở thành bị hại trong vụ án hình sự.

Do đó, mà pháp luật tố tụng hình sự quy định cho bị hại có các quyền tương đối rộng để đảm bảo cho họ bảo vệ những quyền lợi của mình trong quá trình tham gia tố tụng. Theo Điều 62 BLTTHS thì bị hại hoặc đại diện hợp pháp của họ có quyền và nghĩa vụ sau: Bị hại hoặc người đại diện của họ có quyền trình bày ý kiến về chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan và yêu cầu người có thẩm quyền tiến hành tố tụng kiểm tra, đánh giá; đề nghị giám định, định giá tài sản; đề nghị chủ tọa phiên tòa hỏi bị cáo và người khác tham gia phiên tòa; tranh luận tại phiên tòa để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; tự bảo vệ, nhờ người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình; yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng bảo vệ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp khác của mình, người thân thích của mình khi bị đe dọa.

Bên cạnh những quyền của bị hại thì tại khoản 4 Điều 62 BLTTHS còn quy định nghĩa vụ của bị hại nhằm tránh trường hợp họ không hợp tác và cố tình không có mặt khi cơ quan tiến hành tố tụng yêu cầu. Cụ thể *“trường hợp cố ý vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan thì có thể bị dẫn giải”*[19]. Ngoài ra, tổn thất do hành vi phạm tội gây ra cho bị hại cũng đem lại những sự giảm sút về tinh thần, vật chất cho thân nhân, thiệt hại về tài sản, uy tín cho tổ chức nên để bảo vệ cho quyền lợi của bị hại thì tại khoản 5 Điều 62 BLTTHS quy định, trường hợp bị hại chết, mất tích, bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự thì người đại diện thực hiện quyền và nghĩa vụ của người bị hại quy định tại Điều này. Cơ quan, tổ chức là bị hại có sự chia, tách, sáp nhập, hợp nhất thì người đại diện theo pháp luật hoặc tổ chức, cá nhân kế thừa quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức đó có những quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều này”[19].

❖ Nguyên đơn dân sự:

Điều 63 BLTTHS 2015 quy định *“Nguyên đơn dân sự là cá nhân, cơ quan, tổ chức bị thiệt hại do tội phạm gây ra và có đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại”*[19]. Quy định này cũng không khác so với BLTTHS 2003. Trong vụ án hình sự thì nguyên đơn dân sự không chỉ là cá nhân mà còn bao gồm cơ quan tổ chức và họ bị

thiệt hại về vật chất do hành vi phạm tội gián tiếp xâm hại đến gây mất mát hao hụt về tài sản.

Có sự khác biệt giữa nguyên đơn dân sự trong vụ án hình sự với nguyên đơn trong vụ án dân sự, đó là: nguyên đơn dân sự trong vụ án dân sự yêu cầu bồi thường chủ yếu và phổ biến là do bị đơn có hành vi vi phạm, trái pháp luật, mà không nhất thiết phải bị thiệt hại về vật chất. Còn nguyên đơn dân sự trong vụ án hình sự chỉ có thể là người bị thiệt hại về vật chất do hành vi phạm tội gây ra. Ví dụ: A đánh B trong quán của C, làm gãy đồ bàn ghế,... do đó C kiện A và trong trường hợp này C tham gia với tư cách là nguyên đơn dân sự.

Và để công nhận là nguyên đơn dân sự thì họ phải có đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại. Đây là thủ tục bắt buộc của nguyên đơn dân sự khi tham gia vào giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự quyết phần dân sự trong vụ án hình sự. Vì sự thiệt hại của họ chỉ là thiệt hại về vật chất và do hành vi phạm tội xâm phạm một cách gián tiếp liên quan đến tài sản của mình và họ phải chứng minh cho sự thiệt hại đó. Tuy nhiên có nhiều quan điểm cho rằng, việc BLTTHS quy định nguyên đơn dân sự phải có đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại là không hợp lý. Tôi đồng ý với quan điểm này. Bởi lẽ, việc gây thiệt hại về vật chất đối với nguyên đơn dân sự luôn gắn liền với hành vi phạm tội. Do vậy, dù có đơn hay không có đơn yêu cầu bồi thường thì người gây ra hành vi phạm tội ngoài việc phải chịu trách nhiệm hình sự về tội họ đã thực hiện thì còn phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn dân sự. Có như thế mới bảo vệ được quyền và lợi ích hợp pháp của công dân [24, tr.20]. Bên cạnh đó, cơ quan tiến hành tố tụng vẫn phải luôn cân nhắc và tôn trọng quyền định đoạt của đương sự khi tham gia vào quá trình giải quyết bồi thường thiệt hại.

Trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn dân sự có thể tự mình thực hiện hoặc thông qua người đại diện hợp pháp của họ, người đại diện sẽ có những quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn dân sự. Trên cơ sở đó, nguyên đơn dân sự và người đại diện hợp pháp của họ có quyền và nghĩa vụ như nhau: trình bày ý kiến về chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan và yêu cầu người có thẩm quyền tiến hành tố tụng kiểm tra, đánh giá; đề nghị giám định, định giá tài sản theo quy định của pháp

luật; đề nghị hình phạt, mức bồi thường thiệt hại, biện pháp bảo đảm bồi thường; đề nghị chủ tọa phiên tòa hỏi bị cáo và người khác tham gia phiên tòa; tranh luận tại phiên tòa để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; tự bảo vệ, nhờ người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình; yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng bảo vệ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp khác của mình, người thân thích của mình khi bị đe dọa; kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án; khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng [19].

❖ Bị đơn dân sự:

BLTTHS 2015 quy định “*Bị đơn dân sự là cá nhân, cơ quan, tổ chức mà pháp luật quy định phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại*”[19, Đ.64].

Cũng giống như nguyên đơn dân sự, bị hại thì trách nhiệm vật chất của bị đơn dân sự là trách nhiệm đối với thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra. Bị đơn dân sự trong vụ án hình sự cũng khác so với bị đơn dân sự trong vụ án dân sự. Bị đơn dân sự trong vụ án dân sự thực chất là “người bị kiện” còn bị đơn dân sự trong vụ án hình sự chính là người phải bồi thường thiệt hại. Do đó, họ phải là người theo quy định của pháp luật có nghĩa vụ bồi thường cho người bị hại hoặc nguyên đơn dân sự. Bị đơn dân sự trong vụ án hình sự được các cơ quan tiến hành tố tụng xác định không phụ thuộc vào các yêu cầu của nguyên đơn dân sự hoặc bị hại. Chính vì lẽ đó, bị đơn dân sự tham gia vào quá trình tố tụng với tư cách rất đặc biệt vì họ phải bồi thường thiệt hại nhưng sự thiệt hại này không do hành vi phạm tội của họ gây ra.

Theo tinh thần của pháp luật dân sự trong việc quy định năng lực chịu trách nhiệm bồi thường, để cụ thể hóa vào pháp luật TTHS thì bị đơn dân sự có thể là: cha mẹ hoặc giám hộ đối với bị can, bị cáo là người chưa thành niên, người có nhược điểm về thể chất hoặc tinh thần phải chịu trách nhiệm bồi thường do hành vi phạm tội gây ra; pháp nhân khi bị can, bị cáo là người của pháp nhân gây thiệt hại trong khi thực hiện nhiệm vụ được pháp nhân giao; cơ quan, tổ chức khi bị can, bị cáo là cán bộ, công chức gây thiệt hại trong khi thi hành công vụ; cơ quan tiến hành

tổ tụng khi bị can, bị cáo là người có thẩm quyền của cơ quan gây thiệt hại khi thực hiện nhiệm vụ trong quá trình tiến hành tố tụng; cá nhân, pháp nhân và các chủ thể khác khi bị can, bị cáo là người làm công, học nghề gây thiệt hại trong khi thực hiện công việc được giao; chủ sở hữu, người được chủ sở hữu giao chiếm hữu, sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ khi bị can, bị cáo là người sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ gây thiệt hại...

Bên cạnh quy định về trách nhiệm bộ thường thì bị đơn dân sự cũng có các quyền như: quyền khiếu nại việc đòi bồi thường của nguyên đơn dân sự; quyền đưa ra tài liệu, đồ vật yêu cầu; quyền được thông báo kết quả điều tra có liên quan đến việc đòi bồi thường; quyền trình bày ý kiến, tranh luận tại phiên tòa để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn; quyền khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; quyền kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án về phần bồi thường thiệt hại. Và trong quá trình giải quyết phần dân sự thì bị đơn dân sự có thể tự mình hoặc thông qua người đại diện hợp pháp tham gia vào quá trình tố tụng.

❖ Người có quyền và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

BLTTHS 2015 đưa ra khái niệm, quyền và nghĩa vụ của người có quyền và nghĩa vụ liên quan đến vụ án tại Điều 65 *“Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án hình sự”*[19].

Việc xác định thế nào là người có quyền và nghĩa vụ liên quan đến vụ án là một việc không dễ. Bởi khi tham gia vào quá trình giải quyết phần dân sự trong vụ án hình sự, tùy từng trường hợp cụ thể mà cơ quan tiến hành tố tụng mới có thể xác định ai là người có quyền và nghĩa vụ liên quan một cách chính xác.

Trong thực tiễn xét xử nhiều Tòa án đã có sự xác định khác nhau về người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, thậm chí còn có sự nhầm lẫn giữa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án với người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người làm chứng, từ đó dẫn đến những sai lầm, thiếu sót trong việc giải quyết phần trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự. Tùy từng vụ án mà người có

quyền và nghĩa vụ liên quan đến vụ án tham gia với tư cách khác nhau. Người có quyền và nghĩa vụ liên quan đến vụ án thường là những người sau: người cho mượn phương tiện không phải vì mục đích thực hiện tội phạm mà phương tiện này là phương tiện phạm tội và đang bị cơ quan tiến hành tố tụng tạm giữ; người chủ sở hữu tài sản nhưng tài sản đó lại có trong tay người phạm tội. Vì lý do nào đó mà tài sản của người chủ tài sản lại đang ở trên người hoặc nơi ở của người phạm tội và tài sản này đang bị cơ quan tiến hành tố tụng tạm giữ; người được người phạm tội cho tài sản mà tài sản đó có được do hoạt động phạm tội. Người phạm tội có được tài sản là do thực hiện tội phạm. Sau khi có tài sản, người phạm tội mang cho anh em, bạn bè, người thân thì anh em, bạn bè, người thân của người phạm tội được cho tài sản này là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Theo đó, người có quyền và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có thể là người được bồi thường, được trả lại tài sản, tiền bạc hoặc được hưởng những lợi ích vật chất khác theo quy định của pháp luật; còn những người có nghĩa vụ liên quan đến vụ án có thể là người bị Tòa án buộc phải bồi thường, phải trả lại tài sản, tiền bạc hoặc phải có nghĩa vụ vật chất khác theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có các quyền sau: quyền đưa ra tài liệu, đồ vật, yêu cầu trong các giai đoạn tố tụng; phát biểu ý kiến, tranh luận tại phiên tòa để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; quyền khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; quyền yêu cầu thi hành án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có các nghĩa vụ sau: phải có mặt theo giấy triệu tập của cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án; tuân thủ nội quy phiên tòa; thực hiện bản án, quyết định của Tòa án; trình bày trung thực những tình tiết liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình.

Mặc dù pháp luật TTHS đã quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của chủ thể tham gia giải quyết dân sự trong vụ án hình sự nhưng để áp dụng nó vào trong thực tiễn còn nhiều bất cập, khó khăn, nhiều trường hợp cơ quan tiến hành tố tụng khó xác định được ai sẽ tham gia vào việc giải quyết phần dân sự trong vụ án hình sự với tư cách như thế nào.

Về thủ tục giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự:

Việc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự sẽ giúp cho các cơ quan THTT không những tránh được việc tiến hành các hoạt động trùng lặp mà còn tiết kiệm thời gian lẫn chi phí cho việc xét xử. Vì vậy, các cơ quan THTT phải tuân theo các quy định của BLTTHS trong việc xác minh, làm rõ trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự. Việc xác minh này được thực hiện thông qua tiến hành các hoạt động sau:

- Xác định được các mối quan hệ có liên quan đến vấn đề dân sự cần giải quyết; xác định mức độ thiệt hại đã xảy ra, mức độ lỗi của các chủ thể tham gia tố tụng... để từ đó có thể xác định đúng mức bồi thường thiệt hại; xác định trách nhiệm yêu cầu bồi thường, hòa giải, thỏa thuận đến việc từ chối nhận bồi thường.

- Xác định những người tham gia tố tụng gồm những ai, tư cách tham gia tố tụng của họ, có thể với tư cách là bị can, bị cáo, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự hay người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

- Về thủ tục: BLTTHS quy định việc giải quyết vấn đề dân sự được tiến hành đồng thời với việc giải quyết phần trách nhiệm hình sự của vụ án nên trong BLTTHS năm 2015 không qui định thủ tục riêng mà vấn đề dân sự trong vụ án hình sự sẽ tuân theo trình tự, thủ tục giải quyết vụ án hình sự. Vì vậy, việc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự sẽ tuân theo thủ tục tố tụng hình sự trên cơ sở kết hợp với các nguyên tắc của tố tụng dân sự nhằm mục đích giải quyết vụ án hình sự được khách quan, toàn diện, bảo đảm đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Ở giai đoạn điều tra, xét xử, cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án xác định tư cách tham gia tố tụng của từng chủ thể. Đến giai đoạn xét xử, đây là giai đoạn trọng tâm của tố tụng hình sự nói chung, giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự nói riêng, việc xác định đúng tư cách tham gia tố tụng có ảnh hưởng nhiều tới quyền, nghĩa vụ tố tụng của các chủ thể tham gia tố tụng để giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự (như quyền kháng cáo...). Trên cơ sở những chứng cứ thu thập được ở những giai đoạn trước đó là một trong nhiều căn cứ để Tòa án sẽ xem xét và đánh giá một cách chính xác để đưa ra phán quyết cuối cùng về vấn đề dân sự trong vụ án hình

sự. Giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự được bắt đầu kể từ ngày Tòa án nhận được hồ sơ do Viện kiểm sát chuyển sang. Trong khoảng thời gian theo quy định của BLTTHS thì Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa phải nghiên cứu hồ sơ và giải quyết yêu cầu của những người tham gia tố tụng, đồng thời tiến hành những việc cần thiết cho việc mở phiên tòa sơ thẩm. Trong giai đoạn này, Thẩm phán cần phải là sáng tỏ những vấn đề liên quan đến trách nhiệm hình sự, trách nhiệm dân sự của bị cáo trong vụ án, có hành vi phạm tội xảy ra hay không, bị cáo có phải là người thực hiện hành vi hay không, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, tính chất, mức độ thiệt hại, trách nhiệm bồi thường... Việc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự được tiến hành đồng thời với phiên tòa sơ thẩm hình sự. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm nếu việc xác định thiệt hại có liên quan đến trách nhiệm hình sự của người phạm tội mà xét thấy không thể bổ sung tại phiên tòa được thì Tòa án trả hồ sơ cho Viện kiểm sát để điều tra bổ sung vì việc xác định thiệt hại là chứng cứ quan trọng để xác định trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội.

- Theo quy định từ các điều 307 đến Điều 318 của BHTTHS năm 2015 thì trình tự, thủ tục xét hỏi tại phiên tòa sẽ do chủ tọa phiên tòa điều hành việc hỏi, quyết định người hỏi trước, hỏi sau theo thứ tự hợp lý. Ý nghĩa của việc làm này để xác định toàn diện, đầy đủ, khách quan nội dung vụ án, tránh oan sai, đảm bảo xét xử đúng quy định của pháp luật. Trường hợp bị cáo đồng thời là bị đơn trong việc dân sự thì sau phần xét hỏi về hình sự bị cáo tiếp tục bị xét hỏi với tư cách là bị đơn trong việc dân sự có liên quan của vụ án. Bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người đại diện của họ có thể đề nghị chủ tọa phiên tòa hỏi thêm về những tình tiết làm sáng tỏ vụ án. Nếu không có vấn đề gì nữa thì chủ tọa phiên tòa tuyên bố kết thúc phần xét hỏi và chuyển sang phần tranh luận tại phiên tòa.

- Trong phần tranh luận tại phiên tòa được quy định từ Điều 320 đến Điều 325, những người tham gia tố tụng có quyền đưa ra đề nghị, trình bày ý kiến đồng thời đưa ra chứng cứ, tài liệu và lập luận của mình. Trong trường hợp những người này có người bảo vệ quyền lợi cho mình thì bị hại, đương sự, người đại diện của họ

trình bày ý kiến để bảo vệ quyền và lợi ích của mình còn người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho họ thì người này có quyền trình bày, bổ sung ý kiến. Trong trường hợp tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy chưa có đủ căn cứ để quyết định phần dân sự trong vụ án hình sự mà phần dân sự đó có liên quan đến việc xác định trách nhiệm hình sự của bị cáo thì Hội đồng xét xử ra quyết định trả hồ sơ cho Viện kiểm sát để điều tra bổ sung. Nếu phần dân sự đó không liên quan đến trách nhiệm hình sự của bị cáo thì Thẩm phán yêu cầu Viện kiểm sát bổ sung hoặc có yêu cầu đương sự cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh phần dân sự trong vụ án hình sự hoặc cũng có thể tách phần dân sự ra để giải quyết bằng vụ án dân sự khác nếu đương sự có yêu cầu. Trong trường hợp tách phần dân sự ra để giải quyết bằng vụ án dân sự khác thì việc thụ lý và giải quyết phần dân sự trong vụ án hình sự sẽ tuân theo các quy định của BLTTDS. Nếu các bên thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết phần dân sự trong vụ án hình sự thì Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận và không được ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự theo thủ tục tố tụng dân sự. Đối với những vụ án mà phần dân sự quá phức tạp, không thể giải quyết ngay thì Hội đồng xét xử có thể hoãn phần xét xử dân sự để điều tra thêm. Điều này không có nghĩa là tách việc dân sự để giải quyết riêng mà việc dân sự đó chưa thấy xét xử xong và chính Hội đồng xét xử đó sẽ xét xử tiếp vào một ngày khác chứ không phải là chuyển sang vụ án khác hay chuyển sang thủ tục khác.

- Kết thúc phần tranh luận, Hội đồng xét xử nghị án và tuyên án. Chủ tọa phiên tòa đọc bản án.

- Bị cáo, bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến bồi thường thiệt hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền và nghĩa vụ của họ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm hoặc trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án (đối với trường hợp những người này vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm). Trong vòng 15 ngày Viện kiểm sát cùng cấp (30 ngày đối với Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp) có quyền kháng nghị về phần trách nhiệm dân sự nếu thấy Tòa án sơ thẩm giải quyết không đúng.

- Thủ tục tại phiên tòa phúc thẩm về cơ bản cũng được tiến hành giống phiên tòa sơ thẩm. Khác với phiên tòa sơ thẩm thì tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử chỉ tập trung thẩm vấn những vấn đề liên quan đến kháng cáo, kháng nghị. Hội đồng xét xử phúc thẩm thẩm tra đầy đủ các tình tiết có liên quan đến phần dân sự trong vụ án hình sự có kháng cáo, kháng nghị để quyết định hình phạt và mức bồi thường cho đúng. Hội đồng xét xử phúc thẩm có quyền ra các quyết định như: bác kháng cáo, kháng nghị và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm; sửa bản án sơ thẩm; hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại; hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án. Khi quyết định phần dân sự trong vụ án hình sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm chỉ xem xét và quyết định phần dân sự trong vụ án hình sự của bản án sơ thẩm có kháng cáo, kháng nghị. Nếu phần dân sự trong bản án hình sự không bị kháng cáo, kháng nghị mà các đương sự tự nguyện thỏa thuận với nhau thì Hội đồng xét xử ghi nhận tự nguyện thỏa thuận đó. Nếu phần dân sự trong vụ án hình sự chưa được Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết hoặc các đương sự chưa yêu cầu nhưng người kháng cáo hoặc người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến kháng cáo, kháng nghị yêu cầu giải quyết thì Tòa án cấp phúc thẩm có thể tách ra để giải quyết riêng bằng một vụ án dân sự khác. Trường hợp phần dân sự liên quan đến trách nhiệm hình sự của bị cáo chưa được điều tra đầy đủ mà Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không thể bổ sung tại phiên tòa thì có thể hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm. Đối với trường hợp Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại thì thủ tục giải quyết phần dân sự trong vụ án hình sự bị hủy được tiến hành theo hướng dẫn tại Công văn số 121/2003/KHXX ngày 19/9/2003 của Tòa án nhân dân tối cao về việc giải quyết các vấn đề liên quan đến tài sản, bồi thường thiệt hại trong vụ án hình sự như sau: việc thụ lý những bản án bị hủy phần dân sự để xét xử lại sẽ tuân theo thủ tục thụ lý và giải quyết vụ án hình sự. Nếu phần dân sự trong vụ án hình sự có liên quan đến trách nhiệm hình sự của bị cáo thì việc điều tra, chứng minh thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra thuộc trách nhiệm của Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát vì việc điều tra của cấp sơ thẩm chưa đầy đủ nên chưa có căn cứ kết án người phạm tội. Nếu phần dân sự trong vụ án hình sự không liên quan

đến trách nhiệm hình sự của bị cáo thì việc điều tra, xét xử lại thuộc trách nhiệm của Tòa án. Trong trường hợp này có thể tách phần dân sự trong vụ án hình sự để thụ lý và giải quyết bằng vụ án dân sự khác theo thủ tục tố tụng dân sự. Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

- Giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự (đối với trường hợp tách ra)

Về nguyên tắc, việc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự được giải quyết cùng với vụ án hình sự. Tuy nhiên, trong trường hợp vụ án hình sự phải giải quyết vấn đề bồi thường, bồi hoàn mà chưa có điều kiện chứng minh và không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án hình sự thì có thể tách ra để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự.

Theo BLDS 2015 thì thời hiệu khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm. Để khởi kiện vụ án dân sự, chủ thể khởi kiện phải có quyền khởi kiện và có đủ năng lực hành vi tố tụng dân sự. Đây là điều kiện đầu tiên phải xác định khi đương sự thực hiện việc khởi kiện (điểm a khoản 1 Điều 192 BLTTDS năm 2015). Về nguyên tắc, chỉ có cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền, lợi ích bị xâm phạm mới có quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền lợi của mình.

Về thủ tục khởi kiện thì bị hại, nguyên đơn dân sự sẽ nộp đơn tại Tòa án có thẩm quyền. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn khởi kiện, Chánh án Tòa án phân công một Thẩm phán xem xét đơn khởi kiện và trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày được phân công, Thẩm phán phải xem xét đơn khởi kiện và có một trong các quyết định sau: yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện; tiến hành thủ tục thụ lý vụ án theo thủ tục thông thường hoặc theo thủ tục rút gọn nếu vụ án có đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục rút gọn quy định; chuyển đơn khởi kiện cho Tòa án có thẩm quyền và thông báo cho người khởi kiện nếu vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án khác; trả lại đơn khởi kiện cho người khởi kiện nếu vụ việc đó không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Về thụ lý vụ án: trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được giấy báo của Tòa án về việc nộp tiền tạm ứng án phí, người khởi kiện phải nộp tiền tạm ứng án phí và

nộp cho Tòa án biên lai thu tiền tạm ứng án phí. Vụ án chỉ được thụ lý khi người khởi kiện nộp cho Tòa án biên lai thu tiền tạm ứng án phí hoặc trường hợp người khởi kiện được miễn hoặc không phải nộp tiền tạm ứng án phí thì Thẩm phán phải thụ lý vụ án khi nhận được đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ kèm theo.

Hoà giải là hoạt động tổ tụng bắt buộc của Tòa án được quy định tại Điều 10 và Điều 205 BLTTDS 2015 [20]. Khi tiến hành hoà giải giữa các đương sự, Tòa án giữ vị trí đặc biệt quan trọng. Với tư cách là cơ quan xét xử của nhà nước, Tòa án phải chủ động trong việc hoà giải để giúp đỡ các đương sự thoả thuận với nhau. Về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải: để bảo đảm mọi chứng cứ được công khai, các đương sự đều biết các tài liệu, chứng cứ của vụ án để thực hiện quyền tranh tụng, cho nên ngoài việc quy định nghĩa vụ của đương sự khi giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án thì phải gửi bản sao cho đương sự khác; BLTTDS 2015 còn bổ sung quy định phải tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ trước khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tuy nhiên để hạn chế việc phát sinh thêm thủ tục không cần thiết, nên đã ghép phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ với phiên hoà giải. Trong giai đoạn hoà giải nếu các đương sự thoả thuận được với nhau về vấn đề phải giải quyết trong vụ án dân sự thì Tòa án lập biên bản hoà giải thành và ra quyết định công nhận sự thoả thuận; ngược lại thì Tòa án sẽ xem xét và đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Phiên tòa xét xử sơ thẩm: sau phần khai mạc, Chủ tọa phiên tòa hỏi đương sự về việc thay đổi, bổ sung, rút yêu cầu, về việc các đương sự có thoả thuận được với nhau không. Trường hợp các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thoả thuận của họ là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội thì Hội đồng xét xử ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự về việc giải quyết vụ án. Trường hợp có đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình và các đương sự không tự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án thì các đương sự trình bày về yêu cầu và chứng cứ để chứng minh.

Phần tranh tụng tại phiên tòa: tranh tụng tại phiên tòa bao gồm việc trình bày chứng cứ, hỏi, đối đáp, trả lời và phát biểu quan điểm, lập luận về đánh giá chứng cứ, tình tiết của vụ án dân sự, quan hệ pháp luật tranh chấp và pháp luật áp dụng để giải quyết yêu cầu của các đương sự trong vụ án. Việc tranh tụng tại phiên tòa được tiến hành theo sự điều khiển của chủ tọa phiên tòa và không hạn chế thời gian tranh tụng. Thứ tự hỏi của từng người được thực hiện như sau: nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn hỏi trước, tiếp đến bị đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, sau đó là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; những người tham gia tố tụng khác; chủ tọa phiên tòa, hội thẩm nhân dân; kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Đến phần tranh luận thì thứ tự trình bày như sau: người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày. Nguyên đơn có quyền bổ sung ý kiến. Trường hợp cơ quan, tổ chức khởi kiện thì đại diện cơ quan, tổ chức trình bày ý kiến. Người có quyền và lợi ích hợp pháp được bảo vệ có quyền bổ sung ý kiến. Sau đó đến người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn tranh luận, đối đáp. Bị đơn có quyền bổ sung ý kiến; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền bổ sung ý kiến. Các đương sự đối đáp theo sự điều khiển của chủ tọa phiên tòa. Cuối cùng là phát biểu của Kiểm sát viên.

Phần nghị án: khi nghị án, các thành viên Hội đồng xét xử phải căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật và biểu quyết theo đa số.

Kết thúc phần nghị án, Hội đồng xét xử sẽ tuyên án. Bản án dân sự sơ thẩm có hiệu lực sau 30 ngày kể từ ngày tuyên án và không bị kháng cáo, kháng nghị. Thời hạn kháng cáo bản án sơ thẩm là 15 ngày kể từ kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Thời hạn kháng nghị đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm của Viện kiểm sát cùng cấp là 15 ngày,

của Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp là 01 tháng, kể từ ngày tuyên án. Trường hợp Kiểm sát viên không tham gia phiên tòa thì thời hạn kháng nghị tính từ ngày Viện kiểm sát cùng cấp nhận được bản án.

Thủ tục tại phiên tòa phúc thẩm về cơ bản cũng được tiến hành giống phiên tòa sơ thẩm. Bản án phúc thẩm có hiệu lực ngay khi tuyên án.

1.3 Mối quan hệ giữa nguyên tắc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự với các nguyên tắc liên quan trong tố tụng hình sự

Trong tố tụng hình sự mỗi nguyên tắc có vai trò tầm quan trọng riêng của nó và trong số những nguyên tắc đó đều phục vụ cho mục tiêu phát hiện chính xác, xử lý nghiêm minh, đúng người đúng tội, đúng pháp luật. Các nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng hình sự được quy định tại Chương II BLTTHS là một thể thống nhất nên mỗi nguyên tắc đều có mối liên hệ nhất định với các nguyên tắc khác. Trong khuôn khổ của một luận văn thạc sĩ, tôi chỉ xin đưa ra một số nguyên tắc có mối quan hệ trực tiếp và gần nhất với nguyên tắc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự:

- *Mối quan hệ với nguyên tắc “Bảo đảm quyền bình đẳng trước pháp luật”:*

Điều 16 Hiến pháp 2013 ghi nhận “Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật” [16]. Với quy định này, nhà nước đã đảm bảo cho việc thực thi pháp luật đối với mọi người là ngang nhau, ai cũng được hưởng quyền và gánh vác các nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Điều 9 BLTTHS 2015 quy định “*Tố tụng hình sự được tiến hành theo nguyên tắc mọi người đều bình đẳng trước pháp luật, không phân biệt dân tộc, giới tính, tín ngưỡng, tôn giáo, thành phần và địa vị xã hội. Bất cứ người nào phạm tội đều bị xử lý theo pháp luật. Mọi pháp nhân đều bình đẳng trước pháp luật, không phân biệt hình thức sở hữu và thành phần kinh tế*” [19]. Nguyên tắc này là nguyên tắc quan trọng nhằm tìm ra sự thật khách quan của vụ án để cho việc xét xử được công minh, khách quan đúng pháp luật. Do đó, trong quá trình giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự, cơ quan tiến hành tố tụng cần tuân thủ nguyên tắc này một cách triệt để nhằm tạo ra sự bình đẳng giữa các bên khi tham gia vào quá trình tố tụng. Ngoài ra,

tại Điều 26 BLTTHS 2015 quy định “trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên, người khác có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người bị buộc tội, người bào chữa và người tham gia tố tụng khác đều có quyền bình đẳng trong việc đưa ra chứng cứ, đánh giá chứng cứ, đưa ra yêu cầu để làm rõ sự thật khách quan của vụ án” [19].

Nguyên tắc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự có mối liên hệ chặt chẽ với nguyên tắc này. Nguyên tắc bình đẳng trước Tòa án một cơ sở để đảm bảo cho nguyên tắc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự được thực hiện tốt. Thực hiện đúng nguyên tắc bảo đảm quyền bình đẳng trước Tòa án sẽ góp phần làm cho việc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự được triệt để, bảo vệ được quyền và lợi ích hợp pháp của các bên tham gia tố tụng. Vì vậy, sự bình đẳng giữa các bên trước Tòa án là điều kiện cần thiết để đảm bảo cho việc xác định sự thật của vụ án. Đồng thời sự bình đẳng giữa các bên trước Tòa án thông qua việc thực hiện công bằng, dân chủ giữa các bên trong quá trình tranh tụng tại phiên tòa góp phần quan trọng vào việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ. Muốn cho vụ án được giải quyết một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ thì những người tham gia tố tụng đều phải được bình đẳng trong việc đưa ra chứng cứ và được bình đẳng trong việc đưa ra những yêu cầu trước Tòa án. Nguyên tắc bảo đảm quyền bình đẳng trước Tòa án còn thể hiện ở việc các bên tham gia tố tụng đều phải giữ địa vị tố tụng bình đẳng, đều có quyền và thực hiện nghĩa vụ như nhau. Khi các đương sự được bình đẳng với nhau về quyền và nghĩa vụ trước Tòa án thì họ sẽ có khả năng bảo vệ tốt nhất cho quyền và lợi ích hợp pháp của mình, đồng thời sẽ làm sáng tỏ được sự thật khách quan của vụ án nói chung và phân trách nhiệm dân sự dân sự nói riêng. Thông qua đó Tòa án có cơ sở để đưa ra phán quyết đúng đắn về mức hình phạt cũng như mức bồi thường thiệt hại đối với bị cáo và những người tham gia tố tụng trong vụ án. Do vậy, bản thân nguyên tắc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự đã thể hiện được nguyên tắc bảo đảm quyền bình đẳng trước Tòa án.

- Mối quan hệ với nguyên tắc “Bảo hộ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của cá nhân; danh dự, uy tín, tài sản của pháp nhân”

Đây là nguyên tắc quan trọng gắn liền với những quyền thiêng liêng nhất của con người luôn được Nhà nước Xã hội chủ nghĩa đề cao và bảo vệ.

Theo Điều 11 BLTTHS 2015 quy định “*Mọi người có quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản. Mọi hành vi xâm phạm trái pháp luật tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của cá nhân; xâm phạm danh dự, uy tín, tài sản của pháp nhân đều bị xử lý theo pháp luật. Công dân Việt Nam không thể bị trục xuất, giao nộp cho nhà nước khác*” [19]. Thực hiện nguyên tắc bảo hộ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của cá nhân, pháp nhân là tiền đề cho việc thực hiện nguyên tắc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự. Nói cách khác, nguyên tắc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự được đặt ra nhằm mục đích bảo hộ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của cá nhân và danh dự, uy tín, tài sản của pháp nhân và ngoài ra đó là những giá trị xã hội cao nhất được ghi nhận trong Hiến pháp và các văn bản pháp luật. Mọi hành vi xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của cá nhân, pháp nhân được luật hình sự bảo vệ ngoài việc làm phát sinh trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội còn làm phát sinh trách nhiệm dân sự. Nếu cá nhân, tổ chức bị tội phạm xâm hại đến sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm, uy tín, tài sản... thì họ sẽ được bồi thường thiệt hại về vật chất và tinh thần. Bên cạnh đó, việc giải quyết thỏa đáng vấn đề dân sự trong vụ án hình sự còn có ý nghĩa giáo dục những người khác ý thức tuân thủ pháp luật, bảo vệ quyền bất khả xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, tài sản của cá nhân, tổ chức đã được Hiến pháp ghi nhận. Ngoài ra, thông qua việc bồi thường thiệt hại, nguyên tắc này còn góp phần bảo vệ, khôi phục các quyền và lợi ích dân sự bị xâm hại của bị hại. Như vậy, có thể thấy giữa nguyên tắc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự và nguyên tắc bảo hộ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín, tài sản của cá nhân và tổ chức có mối quan hệ chặt chẽ nhất, gắn gũi nhất bởi việc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự trực tiếp liên quan đến việc xác định mức độ bồi thường thiệt hại khi tính mạng, sức khỏe, danh dự, tài sản của cá nhân, tổ chức bị tội phạm xâm hại. Bên cạnh đó, việc quy định rõ nguyên tắc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự

còn có tác dụng giáo dục những người khác không thực hiện hành vi phạm tội. Nếu họ thực hiện hành vi phạm tội thì ngoài trách nhiệm hình sự phải gánh chịu, họ còn phải bồi thường thiệt hại do hành vi phạm tội của mình gây ra. Do đó, thực hiện tốt nguyên tắc này cũng trực tiếp góp phần vào việc thực hiện nguyên tắc bảo hộ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản, uy tín của cá nhân, tổ chức.

- *Mối quan hệ với nguyên tắc “Xác định sự thật của vụ án”*

Việc xác định sự thật của vụ án có ảnh hưởng lớn đến việc xác định đúng đắn vấn đề cần phải chứng minh trong vụ án hình sự.

Điều 15 BLTTHS năm 2015 quy định nguyên tắc xác định sự thật của vụ án như sau *“Trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Người bị buộc tội có quyền nhưng không buộc phải chứng minh là mình vô tội. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải áp dụng các biện pháp hợp pháp để xác định sự thật của vụ án một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ, làm rõ chứng cứ xác định có tội và chứng cứ xác định vô tội, tình tiết tăng nặng và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của người bị buộc tội”*[19].

Nguyên tắc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự có mối liên hệ chặt chẽ với nguyên tắc xác định sự thật của vụ án. Áp dụng đúng đắn, đầy đủ nguyên tắc xác định sự thật của vụ án là cơ sở để thực hiện tốt nguyên tắc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự nhằm đảm bảo cho việc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự quyết vụ án được đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Khi thực hiện tốt nguyên tắc xác định sự thật của vụ án thì cơ quan tiến hành tố tụng cũng đồng thời làm rõ được vấn đề dân sự trong vụ án hình sự. Bởi vì vấn đề dân sự là một phần không thể tách rời khỏi vụ án, nó phát sinh trên cơ sở có hành vi phạm tội của bị can, bị cáo. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, để xác định sự thật khách quan của vụ án các cơ quan tiến hành tố tụng cần phải thu thập, kiểm tra và đánh giá chứng cứ một cách toàn diện về tất cả các vấn đề của vụ án một cách khách quan trên cơ sở pháp lý để rút ra kết luận về việc giải quyết vụ án. Sự thật của vụ án mà các cơ quan tiến hành tố tụng phải xác định đó là toàn bộ diễn biến của sự việc

phạm tội đã xảy ra bao gồm các vấn đề về hình sự như: có hành vi phạm tội xảy ra hay không; ai là người thực hiện hành vi phạm tội; những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị can, bị cáo; tính chất, mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra; mức độ lỗi của người thực hiện hành vi phạm tội như thế nào; nhân thân của bị can, bị cáo... và cả những vấn đề về dân sự như: ai là người gây ra thiệt hại; mức độ tham gia gây thiệt hại của từng người như thế nào vì nhiều trường hợp không chỉ có bị can, bị cáo là người gây thiệt hại mà còn cả những người khác nữa cũng tham gia gây thiệt hại nhưng không bị khởi tố; mức độ lỗi của những người gây thiệt hại; bị hại có lỗi trong việc để xảy ra thiệt hại hay không... Việc làm rõ những nội dung trên là cơ sở để các cơ quan tiến hành tố tụng xem xét, quyết định về vấn đề bồi thường như: ai phải có trách nhiệm bồi thường, mức bồi thường như thế nào... Do vậy, với tư cách là một phần của vụ án hình sự, khi xác định sự thật của vụ án thì các cơ quan tiến hành tố tụng cũng đồng thời phải làm rõ được vấn đề dân sự trong vụ án đó (nếu có).

Kết luận chương 1

Trên cơ sở luận giải những nội dung trên đây, có thể thấy, việc đưa ra được khái niệm “*giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự*”, cũng như nêu được đặc điểm, nội dung, ý nghĩa của giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự là một trong những nội dung nghiên cứu lý luận cơ bản của đề tài. Những vấn đề này có mối liên hệ biện chứng, khăng khít, tạo thành một tổng thể cấu trúc những vấn đề lý luận về giải quyết về giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự. Việc nghiên cứu có giá trị khoa học trong việc lý giải sự cần thiết phải đi sâu khai thác vấn đề dân sự trong vụ án hình sự, làm sáng tỏ các khía cạnh đặc điểm, nội dung, hình thức, ý nghĩa của vấn đề.

Bên cạnh đó, luận văn cũng hệ thống các công trình khoa học, bài viết liên quan nhằm phản ánh được phần nào xu hướng nghiên cứu vấn đề dân sự trong vụ án hình sự ở nước ta trong thời gian qua. Có thể nói những kết quả đó đã đóng góp rất lớn cho kho tàng tri thức lý luận và thực tiễn trong lĩnh vực này, đồng thời cho thấy việc nghiên cứu để thiết lập các khái niệm, lý luận về giải quyết vấn đề dân sự

trong vụ án hình sự là vô cùng cần thiết, góp phần nâng cao hiệu quả trong thực tiễn giải quyết các vụ án hình sự, góp phần vào công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm trong giai đoạn hiện nay trên cả nước.

Chương 2

QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ DÂN SỰ TRONG VỤ ÁN HÌNH SỰ VÀ THỰC TIỄN GIẢI QUYẾT TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

2.1. Pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự

2.1.1. Quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự

Quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự gắn liền với các giai đoạn phát triển của BLTTHS qua các thời kỳ phát triển.

- Từ năm 1945 đến năm 1988: giai đoạn này thì các văn bản pháp luật tố tụng hình sự được ban hành đơn lẻ, không thể hiện được toàn diện, đầy đủ chính sách của Nhà nước trong các lĩnh vực điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án. Năm 1985, BLHS Việt Nam đầu tiên và cũng là Bộ luật đầu tiên được ban hành. Vấn đề bồi thường thiệt hại cũng đã được đề cập trong BLHS năm 1985, cụ thể tại Điều 34 quy định về việc trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại “*Người phạm tội phải trả lại những vật, tiền bạc đã chiếm đoạt cho người sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp, phải sửa chữa hoặc bồi thường các thiệt hại vật chất đã được xác định do hành vi phạm tội gây ra*”. Đến ngày 28/06/1988 Quốc Hội đã thông qua BLTTHS đầu tiên của Việt Nam. Tuy BLTTHS năm 1988 chưa ra quy định về việc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự nhưng tại Điều 39 và Điều 40 của Bộ luật cũng đã nêu ra quyền của các chủ thể bị tội phạm xâm hại. Cụ thể ở đây là tại Điều 39 BLTTHS năm 1988 quy định về người bị hại “*là người bị thiệt hại về thể chất, về tinh thần hoặc về tài sản do tội phạm gây ra... có quyền đề nghị mức bồi thường và các biện pháp bảo đảm bồi thường,...*” và tại Điều 40 BLTTHS năm 1988 quy định về nguyên đơn dân sự “*là cá nhân, cơ quan hoặc tổ chức bị thiệt hại về vật chất do tội phạm gây ra và có đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại, có quyền đề nghị mức bồi thường, và các biện pháp bảo đảm bồi thường*”. Như vậy, theo quy định của

BLTTHS thì việc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự là việc giải quyết bồi thường thiệt hại về vật chất cho người bị hại và bồi thường thiệt hại về vật chất cho nguyên đơn dân sự của người phạm tội.

Có thể nói giai đoạn từ 1945 đến 1988, các văn bản quy phạm pháp luật về tố tụng hình sự quy định về việc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự còn rất mờ nhạt, chưa được chú trọng.

- *Từ năm 1988 đến nay*: pháp luật hình sự và pháp luật tố tụng hình sự đã qua nhiều lần bổ sung, sửa đổi. Năm 1999, BLHS 1999 được thông qua, đánh dấu sự thay đổi toàn diện của hệ thống pháp luật hình sự nước ta. Để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người bị hại trong vụ án hình sự như về quyền sở hữu tài sản, quyền bất khả xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của công dân thì BLHS 1999 đã quy định các biện pháp tư pháp, trong đó có quy định tại Điều 42 về việc trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại; buộc công khai xin lỗi

“1. Người phạm tội phải trả lại tài sản đã chiếm đoạt cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp, phải sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại vật chất đã được xác định do hành vi phạm tội gây ra.

2. Trong trường hợp phạm tội gây thiệt hại về tinh thần, Tòa án buộc người phạm tội phải bồi thường về vật chất, công khai xin lỗi người bị hại”.

Khí vụ án hình sự xảy ra thì sẽ làm phát sinh quan hệ pháp luật hình sự giữa Nhà nước và người phạm tội, đồng thời phát sinh quan hệ dân sự giữa người phạm tội và người bị hại. Do đó, trong tố tụng hình sự phải giải quyết cả vấn đề trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự. Theo quy định tại Điều 42 thì người phạm tội phải trả lại tài sản đã chiếm đoạt cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp. Nếu việc hoàn trả đó không thể thực hiện được vì những lý do tài sản chiếm đoạt không còn nữa thì người phạm tội phải bồi thường các thiệt hại về tài sản đã gây ra.

Bên cạnh đó, việc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự còn được quy định trong một số văn bản hướng dẫn hay báo cáo tổng kết công tác ngành của Tòa án nhân dân tối cao. Cụ thể: tại hội nghị tổng kết ngành Tòa án năm 1993 Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đã kết luận: *"Tòa án kết hợp giải quyết vụ án dân sự trong*

vụ án hình sự"; tại Công văn số 16/1999/KHXX ngày 01/02/1999 của Tòa án nhân dân tối cao về việc giải đáp một số vấn đề về hình sự, dân sự, kinh tế, lao động, hành chính và tố tụng; tại công văn số 121/2003/KHXX ngày 19/9/2003 của Tòa án nhân dân tối cao về việc giải quyết các vấn đề liên quan đến tài sản, bồi thường thiệt hại trong vụ án hình sự .

Kế thừa và phát triển pháp luật tố tụng hình sự, BLTTHS năm 2003 đã bổ sung nguyên tắc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự và được quy định cụ thể tại Điều 28.

“Việc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự được tiến hành cùng với việc giải quyết vụ án hình sự. Trong trường hợp vụ án hình sự phải giải quyết vấn đề bồi thường, bồi hoàn mà chưa có điều kiện để chứng minh và không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án hình sự thì có thể tách ra để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự” [18].

Như vậy, lần đầu tiên giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự được khái quát lên thành một nguyên tắc cơ bản trong BLTTHS năm 2003. Ngoài việc quy định giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự thành một nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng hình sự, BLTTHS năm 2003 còn quy định khá đầy đủ về nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người đại diện hợp pháp của họ, thể hiện được phương châm, định hướng, đường lối của Đảng và Nhà nước về giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự.

Năm 2015, Quốc hội đã thông qua BLHS và BLTTHS và đánh dấu một bước tiến quan trọng trong tư duy lập pháp hình sự; tiếp tục thể hiện tinh thần chủ động phòng ngừa và kiên quyết đấu tranh chống tội phạm, góp phần bảo vệ chủ quyền, an ninh của đất nước, bảo vệ chế độ, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, lợi ích của Nhà nước và tổ chức, bảo vệ và thúc đẩy nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế của nước ta. Trong đó, BLTTHS 2015 vẫn tiếp tục khẳng định giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự là một trong những nguyên tắc cơ bản của pháp luật tố tụng hình sự. Cụ thể tại Điều 30 BLTTHS đã quy định:

“Việc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự được tiến hành cùng với việc giải quyết vụ án hình sự. Trường hợp vụ án hình sự phải giải quyết vấn đề bồi thường thiệt hại, bồi hoàn mà chưa có điều kiện chứng minh và không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án hình sự thì vấn đề dân sự có thể tách ra để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự”[19].

Bên cạnh đó, trong các biện pháp tư pháp áp dụng cho người có hành vi phạm tội quy định tại Điều 46 và Điều 48 BLHS 2015 vẫn tiếp tục áp dụng biện pháp *“Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại; buộc công khai xin lỗi”* đối với *“Người phạm tội phải trả lại tài sản đã chiếm đoạt cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp, phải sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại vật chất đã được xác định do hành vi phạm tội gây ra”*[17].

Về nội dung thì những điều luật quy định tại BLHS và BLTTHS năm 2015 không có gì thay đổi so với nội dung được quy định tại BLHS và BLTTHS năm 2003 nhưng tuy nhiên BLHS và BLTTHS năm 2015 được đánh giá là đã có nhiều đột phá quan trọng, góp phần triển khai thi hành các quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng, đặc biệt thể hiện tinh thần của Hiến pháp năm 2013, các cam kết quốc tế của Việt Nam về tôn trọng, công nhận, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cải cách tư pháp và hội nhập quốc tế.

2.1.2. Đánh giá quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự

- Những bất cập trong quy định của BLHS năm 1999 và BLTTHS năm 2003 về giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự đã được khắc phục trong BLHS năm 2015 (sửa đổi) và BLTTHS năm 2015:

Có thể nói, BLHS 1999 và BLTTHS 2003 đã hoàn thiện một bước đáng kể các quy định của pháp luật tuy nhiên trên thực tế vẫn còn nhiều điểm hạn chế cần phải khắc phục. Những hạn chế, bất cập này đã được khắc phục trong BLHS năm 2015 (sửa đổi) và BLTTHS năm 2015, cụ thể như sau:

Thứ nhất, BLTTHS 2003 xác định người bị hại chỉ là cá nhân, thể nhân, có nghĩa là người bị hại là một con người cụ thể chứ không phải là cơ quan hay tổ chức. Đến BLTTHS 2015 việc này đã được khắc phục và xác định được đầy đủ diện của bị hại, bổ sung quyền và quy định rõ hơn nghĩa vụ của họ. Cụ thể tại Điều 62 BLTTHS 2015 đã đưa ra bị hại gồm cá nhân và tổ chức bị thiệt hại. Việc quy định như vậy sẽ bảo vệ được các quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại là cá nhân, cơ quan, tổ chức, đồng thời tăng cường trách nhiệm của họ trong việc phối hợp với cơ quan có thẩm quyền tố tụng trong việc phát hiện, xử lý tội phạm. Bên cạnh đó, nhằm đảm bảo cho bị hại bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của mình, BLTTHS năm 2015 bổ sung cho bị hại và người đại diện theo pháp luật của họ các quyền: Được cơ quan tố tụng thông báo, giải thích quyền và nghĩa vụ của họ; Đưa ra chứng cứ; Trình bày ý kiến về chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan và yêu cầu người có thẩm quyền tiến hành tố tụng kiểm tra, đánh giá; Đề nghị giám định, định giá tài sản; đề nghị thay đổi người định giá, người dịch thuật; Đề nghị chủ tọa phiên tòa hỏi bị cáo và người tham gia phiên tòa và một số quyền khác.

Thứ hai: theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 51 BLTTHS 2003 thì người bị hại được thông báo về kết quả điều tra nhưng tại Điều 164 BLTTHS 2003 thì việc đình chỉ điều tra lại không đề cập đến việc thông báo cho người bị hại. Khi giải quyết dân sự trong vụ án hình sự là gắn liền với những quyền lợi thiết thực của người bị thiệt hại nhưng pháp luật lại chưa thực sự đảm bảo cho họ khi vụ án phải đình chỉ giải quyết. Để khắc phục thiếu sót, tại Điều 232 BLTTHS 2015 đã quy định về việc gửi quyết định đình chỉ điều tra và thông báo cho bị hại, đương sự được biết sau 02 ngày kết thúc điều tra.

Thứ ba: về việc hoãn phiên tòa thì Điều 194 BLTTHS 2003 chỉ quy định hoãn phiên tòa trong trường hợp thay đổi Kiểm sát viên, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký tòa án; sự vắng mặt của bị cáo, Kiểm sát viên, người bào chữa, bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án hoặc người đại diện hợp pháp của họ, người làm chứng, người giám định nhưng lại không quy định khi phát hiện tình tiết mới liên quan đến phần dân sự trong vụ án

hình sự mà cần thu thập, xác minh thì phải hoãn phiên tòa. Việc này cũng làm ảnh hưởng nhiều đến quyền lợi của bị hại, nguyên đơn dân sự. Để khắc phục, tại Điều 297 BLTTHS 2015 đã quy định về việc hoãn phiên tòa thì ngoài những quy định tại BLTTHS 2003, nhà làm luật đã bổ sung thêm căn cứ để hoãn phiên tòa là khi phát hiện các tình tiết mới cần phải xác minh, thu thập bổ sung chứng cứ, tài liệu, đồ vật mà không thể thực hiện ngay tại phiên tòa; cần tiến hành giám định bổ sung, giám định lại; cần định giá tài sản, định giá lại tài sản.

Thứ tư, BLTTHS năm 2003 đã đưa ra khái niệm về người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự nhưng chưa đưa ra khái niệm về người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án từ đó dẫn đến việc có sự nhầm lẫn khi xác định tư cách tham gia tố tụng của loại người này làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của họ trong quá trình giải quyết vấn đề dân sự. Để đáp ứng yêu cầu giải quyết vụ án hình sự trong tình hình mới, BLTTHS năm 2015 bổ sung thêm khái niệm về người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Cụ thể tại khoản 1 Điều 65 BLTTHS 2015 quy định “*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án hình sự*” và cũng bổ sung các quyền cụ thể khi tham gia tố tụng.

Thứ năm, BLHS 1999 chưa có quy định xử lý đối với pháp nhân, hay cụ thể hơn là chưa quy định trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân. BLHS của nước ta quy định chỉ truy cứu TNHS đối với các cá nhân phạm tội, chứ không áp dụng cho các đối tượng là pháp nhân. Cụ thể tại Điều 42 BLHS 1999 quy định về các biện pháp tư pháp trong việc xử lý tài sản, bồi thường thiệt hại thì nhà làm luật chỉ áp dụng đối với người có hành vi phạm tội, không áp dụng đối với pháp nhân. Trên cơ sở đánh giá tình hình, điều kiện mới, nhất là trong giai đoạn đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tội phạm, BLHS năm 2015 đã bổ sung quy định TNHS của pháp nhân thương mại. Đây là một nội dung mới, quan trọng, luật hình sự Việt Nam đã đặt ra TNHS của pháp nhân thương mại trong một số tội theo quy định của Bộ luật. Tại Điều 46, Điều 47 BLHS 2015 đã bổ sung trách nhiệm hình sự của pháp nhân.

- Những bất cập trong quy định của BLHS năm 1999 và BLTTHS năm 2003 về giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự chưa được khắc phục trong BLHS năm 2015 (sửa đổi) và BLTTHS năm 2015, cần tiếp tục nghiên cứu để hoàn thiện.

Thứ nhất, Điều 28 BLTTHS 2003 và Điều 30 BLTTHS 2015 đều quy định về việc tách vấn đề dân sự trong vụ án hình sự để giải quyết bằng một vụ án dân sự khác theo thủ tục tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bản thân cả hai bộ luật cũng như các văn bản hướng dẫn thi hành lại không quy định rõ ai, cơ quan nào có quyền tách vấn đề dân sự trong vụ án hình sự để giải quyết. Vấn đề đặt ra là các cơ quan tiến hành tố tụng như Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án có quyền tách vấn đề dân sự trong vụ án hình sự để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự không hay quyết định tách vụ án chỉ được thực hiện bởi Hội đồng xét xử sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm? Bản thân những người tiến hành tố tụng được quy định trong BLTTHS có quyền quyết định tách này như thế nào, trên cơ sở và căn cứ pháp lý cụ thể nào? Những người tham gia tố tụng có quyền đề nghị tách phần dân sự để giải quyết bằng một vụ án dân sự hay không?

Thứ hai, Điều 28 BLTTHS 2003 và Điều 30 BLTTHS 2015 đưa ra một loạt các khái niệm như "vấn đề dân sự trong vụ án hình sự", "chưa có điều kiện chứng minh", "không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án hình sự" nhưng không giải thích hay làm rõ về các khái niệm này nên những người tiến hành tố tụng thường có cách hiểu khác nhau theo ý chủ quan, cảm tính của mình do đó dẫn đến tình trạng áp dụng không thống nhất.

Thứ ba, BLTTHS hiện hành quy định một nguyên tắc cơ bản buộc các cơ quan tiến hành tố tụng phải tiến hành một hoạt động tố tụng là giải quyết các vấn đề dân sự đồng thời với việc giải quyết vụ án hình sự nhưng lại không quy định cách thức, trình tự, chuẩn mực cụ thể cho việc thực hiện quy định này. Chính vì vậy, về mặt thủ tục tố tụng, các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng khi giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự thường áp dụng, giải quyết theo sự nhận thức chủ quan của mình mà không có một cách thức hay một chuẩn mực chung nào dẫn đến tình trạng áp dụng thủ tục giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự thiếu thống nhất.

Thứ tư, việc hòa giải để người phạm tội thấy được tội lỗi của mình trước bị hại là việc làm nhân văn cần được khuyến khích. Thực tiễn xét xử nhiều năm qua cũng thể hiện tinh thần nhân văn này. Hơn nữa, hầu hết các vụ án hình sự đều có phần dân sự, mà đối với phần dân sự thì “hòa giải” lại là quy định bắt buộc đối với tòa án theo BLTTDS. Tại khoản 3 điều 29 BLHS 2015 đã quy định “*người thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng do vô ý gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm hoặc tài sản của người khác, được người bị hại hoặc người đại diện tự nguyện hòa giải và đề nghị miễn trách nhiệm hình sự thì có thể được miễn trách nhiệm hình sự*”. Đây là một điểm mới so với bộ luật cũ nhưng đã quy định nguyên tắc hòa giải trong vụ án hình sự thì nhà làm luật cũng cần phân biệt trường hợp nào bắt buộc hòa giải, trường hợp nào chỉ quy định nên hòa giải và hòa giải ở giai đoạn nào. Đây là vấn đề này BLTTHS 2015 chưa đưa ra và không quy định rõ ràng.

Thứ năm, kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm và tái thẩm là đảm bảo cho việc xét xử được chính xác đồng thời sửa chữa những sai lầm trong những bản án, quyết định của bản án có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên ở cả hai BLTTHS 2003 và 2015 đều chỉ đưa ra quy định “*Việc kháng nghị về dân sự trong vụ án hình sự đối với nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được tiến hành theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự*”. Như vậy việc kháng nghị theo thủ tục này không đặt ra cho bị hại. Và đây cũng là một thiếu sót gây ảnh hưởng đến quyền lợi của bị hại.

2.2. Pháp luật luật tố tụng hình sự một số nước trên thế giới về giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự và kinh nghiệm đối với Việt Nam

2.2.1. Quy định của pháp luật luật tố tụng hình sự một số nước trên thế giới về giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự

❖ Luật tố tụng hình sự của nước Cộng hòa Pháp

Bộ luật Tố tụng Hình sự của nước Cộng hòa Pháp có 803 điều chia thành năm quyền. Luật tố tụng hình sự của nước Cộng hòa Pháp không quy định giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự thành một nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng hình sự.

Nhưng việc quy định giải quyết các vấn đề dân sự trong vụ án hình sự đã được nhà làm luật quy định rất rõ ràng tại Thiên mở đầu "Quyền công tố và quyền kiện về dân sự" với những quy định chung. Khi xét xử hình sự trên cơ sở quyết định khởi tố của Viện Công tố, Tòa hình sự vẫn có thể quyết định những biện pháp thẩm cứu chỉ liên quan đến lợi ích dân sự nhưng phải áp dụng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại Điều 3 Luật tố tụng hình sự của nước Cộng hòa Pháp quy định: "Có thể thực hiện đồng thời quyền khởi kiện về dân sự và quyền công tố trước cùng một Tòa án. Có thể kiện về dân sự đối với tất cả các thiệt hại vật chất, thể xác cũng như tinh thần do hành vi bị truy tố gây ra". Vì vậy, điều luật này đã xác định người bị hại hay nguyên đơn dân sự có quyền kiện về dân sự đối với các thiệt hại về vật chất cũng như tinh thần do hành vi phạm tội gây ra trước Tòa hình sự do đó có thể hiểu việc kiện dân sự có thể được giải quyết cùng với việc xét xử về hình sự. Tại Điều 4 Bộ luật này quy định: "Cũng có thể thực hiện quyền khởi kiện về dân sự mà không cần khởi tố hình sự. Tuy nhiên, phần dân sự của vụ án sẽ chưa được xét xử chừng nào phần hình sự của vụ án chưa được xét xử xong, nếu đã khởi tố hình sự". Điều này có nghĩa là có thể tách phần dân sự trong vụ án hình sự ra để giải quyết riêng bằng một vụ án dân sự. Tuy nhiên nếu vụ án hình sự đã được khởi tố thì phải đợi Tòa án xét xử xong phần hình sự thì mới được xét xử phần dân sự. Nếu phần dân sự trong vụ án hình sự đã được khởi kiện trước Tòa Dân sự có thẩm quyền thì không được kiện trước Tòa hình sự, trừ trường hợp Viện Công tố đã khởi tố hình sự trước khi Tòa án dân sự ra bản án xét xử về nội dung. Quyết định về phần dân sự trong vụ án hình sự sẽ được thực hiện sau khi ra quyết định về phần hình sự và việc xem xét, quyết định về phần dân sự sẽ tuân theo một thủ tục khác, đơn giản hơn. Điều 371 quy định: Sau khi đã ra quyết định về hình sự, Tòa đại hình, không có đoàn bồi thẩm tham dự, xem xét các yêu cầu bồi thường thiệt hại của nguyên đơn dân sự đối với bị cáo hoặc đối với nguyên đơn dân sự. Tòa ra quyết định sau khi nghe các bên đương sự và Viện Công tố phát biểu ý kiến. Tòa có thể ủy thác một thành viên của Tòa nghe các bên đương sự trình bày, tìm hiểu tài liệu và trình bày báo cáo trước Tòa, tại đây các bên đương sự và Viện Công tố vẫn có thể phát biểu ý kiến. Những

người bị kết án về cùng một trọng tội có nghĩa vụ liên đới trong việc bồi hoàn và bồi thường thiệt hại. Ngoài ra, Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm liên đới cùng với đồng phạm và tòng phạm trong việc nộp tiền phạt. Đối với các vụ án được xét xử tại Tòa tiểu hình thì người bị thiệt hại có quyền xin đứng nguyên đơn dân sự trước và tại phiên tòa. Tuy nhiên, việc xin đứng nguyên đơn phải được thực hiện trước khi Viện Công tố trình bày các yêu cầu về nội dung hoặc nếu Tòa án đã ra quyết định hoãn tuyên hình phạt thì phải được thực hiện trước khi Viện Công tố trình bày các yêu cầu về hình phạt [11].

❖ *Luật tố tụng hình sự của nước Liên bang Nga*

Bộ luật Tố tụng Hình sự của Liên bang Nga được xây dựng gồm có 5 phần, 18 chương và 473 điều và cũng không quy định về nguyên tắc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự. Nhưng việc quy định nguyên tắc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự được thể hiện thông qua việc quy định về nguyên đơn dân sự (Điều 44), bị đơn dân sự (điều 54), sự tham gia hoạt động xét xử của nguyên đơn dân sự hoặc bị đơn dân sự (Điều 250), giải thích quyền của người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự (Điều 268), nội dung, trình tự, thủ tục tranh luận của các bên (Điều 292), những vấn đề được Tòa án giải 40 quyết khi ra bản án (Điều 299), những vấn đề khác cần quyết định trong phần quyết định của bản án (Điều 309). Tại khoản 3 Điều 42 Bộ luật Tố tụng Hình sự Liên bang Nga quy định: "Người bị hại được bảo đảm được bồi thường thiệt hại về tài sản do tội phạm gây ra và cả những chi phí trong việc họ tham gia vào quá trình điều tra và xét xử vụ án, bao gồm cả chi phí cho người đại diện theo quy định tại Điều 131 Bộ luật này". Từ các quy định trong Bộ luật Tố tụng Hình sự của Liên bang Nga, chúng ta có thể hiểu rằng việc giải quyết về phần bồi thường thiệt hại cho người bị hại được tiến hành đồng thời với vụ án hình sự hoặc có thể được tách ra và giải quyết bằng một vụ án khác theo thủ tục tố tụng dân sự. Quyết định công nhận nguyên đơn dân sự được thể hiện trong quyết định của Tòa án hoặc quyết định của Thẩm phán, kiểm sát viên, dự thẩm viên, nhân viên điều tra ban đầu. Tại khoản 2 Điều 309 quy định: "Trong trường hợp cần thiết phải tiến hành tính toán bổ sung liên quan đến vấn đề dân sự

đòi hỏi phải tạm hoãn việc xét xử thì Tòa án có thể chấp nhận đơn kiện dân sự và chuyển vấn đề về mức bồi thường dân sự để xem xét theo thủ tục tố tụng dân sự" [52]. Tóm lại có thể được hiểu là một căn cứ của việc tách phần dân sự trong vụ án hình sự để giải quyết bằng vụ án dân sự theo thủ tục tố tụng dân sự như quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam. Trong phần quyết định của bản án Tòa án sẽ quyết định có chấp nhận đơn kiện dân sự không, chấp nhận bên nào và với mức bao nhiêu, đồng thời quyết định xem việc xử lý tài sản bị kê biên để bảo đảm giải quyết vấn đề dân sự hoặc tịch thu tài sản như thế nào.

❖ *Luật tố tụng hình sự của nước Cộng hòa dân chủ Trung Hoa*

Luật tố tụng hình sự nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa gồm 164 điều với 4 phần, 17 chương và cũng không có điều luật nào quy định về nguyên tắc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự. Nhưng trong luật tố tụng hình sự của nước này đã dành một chương riêng quy định về việc kiện dân sự (Chương VII trong phần những quy định chung). Cụ thể, Điều 77 quy định: Nếu người bị hại chịu thiệt hại vật chất do hành vi phạm tội của bị cáo thì có quyền nộp đơn kiện dân sự trong quá trình tố tụng hình sự. Nếu gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước, tập thể thì khi khởi tố, Viện kiểm sát nhân dân có thể khởi tố vụ kiện dân sự. Khi cần, Tòa án nhân dân có thể niêm phong hoặc tịch biên tài sản của bị cáo. Điều 78: "Việc kiện dân sự phải tiến hành xét xử đồng thời với vụ án hình sự. Chỉ vì mục đích ngăn chặn việc quá hạn tạm hoãn trong khi xét xử án hình sự thì tổ chức tư pháp tương đương sau khi hoàn tất việc xét xử án hình sự, tiếp tục xét xử vụ án dân sự" [53]. Như vậy, có thể thấy vấn đề dân sự phát sinh trên cơ sở có hành vi phạm tội sẽ được giải quyết đồng thời với việc giải quyết vụ án hình sự. Tuy nhiên, nếu vì việc xét xử dân sự mà vụ án có nguy cơ bị quá hạn tạm hoãn thì có thể tách vấn đề dân sự ra để giải quyết sau.

Bằng những quy định phân tích ở trên, chúng ta có thể thấy luật tố tụng hình sự Trung Quốc tuy không quy định giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự là một nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng hình sự nhưng đã có những quy định về việc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự tương tự như luật tố tụng hình sự Việt Nam.

❖ *Luật tố tụng hình sự của Cộng hòa Liên bang Đức*

Bộ luật Tố tụng Hình sự của Cộng hòa liên bang Đức có thể nói là một Bộ luật đồ sộ, công phu gồm 6 phần với khoảng gần 470 điều và cũng không có bất cứ quy định nào về các nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng hình sự. Việc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự được đề cập tại Điều 154d về quyết định một vấn đề liên quan đến luật dân sự hoặc luật hành chính như sau “Nếu quyết định truy tố đối với một tội ít nghiêm trọng phụ thuộc vào việc đánh giá một vấn đề phải được quyết định theo luật dân sự hoặc luật hành chính, Cơ quan Công tố có thể đặt ra thời hạn cho việc quyết định vấn đề đó theo thủ tục tố tụng dân sự hoặc tố tụng hành chính tại Tòa án. Người đã tố giác tội phạm sẽ được thông báo việc đó. Sau khi thời hạn này đó hết mà không có kết quả nào thì Cơ quan Công tố có thể đình chỉ vụ án” [51]. Ngoài ra, Điều 262 cũng quy định các vấn đề liên quan đến luật dân sự như sau: (1) Nếu trách nhiệm hình sự đối với một hành vi phạm tội phụ thuộc vào việc đánh giá mối liên hệ tư pháp theo luật dân sự thì Tòa án hình sự cũng sẽ đưa ra quyết định ngay sau đó theo các quy định có thể áp dụng đối với thủ tục tố tụng và chứng cứ trong vụ án hình sự. (2) Tuy nhiên Tòa án có quyền tạm đình chỉ việc điều tra và ấn định một thời hiệu để một trong số những người tham gia tố tụng khởi kiện dân sự hoặc để đợi bản án của Tòa án dân sự. Như vậy, việc giải quyết vấn đề dân sự có thể được thực hiện và giải quyết ngay trong vụ án hình sự, cũng có thể được giải quyết trước bằng một vụ án dân sự tại Tòa án Dân sự.

❖ *Luật tố tụng hình sự của Vương quốc Anh*

Luật Điều tra và Tố tụng hình sự của Vương quốc Anh không quy định thành các điều luật cụ thể mà toàn bộ nội dung của luật được chia thành 7 phần chính và phần phụ lục. Điều quan trọng ở đây là trong cả 7 phần và 5 phụ lục nêu trên đều không có phần nào quy định về việc giải quyết các vấn đề liên quan đến trách nhiệm dân sự do hành vi phạm tội gây ra, cũng không có quy định nào nói về nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án như trong pháp luật của Việt Nam và các nước theo hệ thống pháp luật Civil Law. Như vậy, Luật Điều tra và Tố tụng hình sự của Vương quốc Anh không quy định về

nguyên tắc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự và cũng không đề cập đến việc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự mà chỉ có các quy định thuần túy về điều tra hình sự và tố tụng hình sự [11].

2.2.2. Kinh nghiệm đối với Việt Nam

Qua phân tích pháp luật tố tụng hình sự của một số nước trên thế giới, tôi xin rút ra một nhận xét như sau: về cơ bản, luật tố tụng hình sự của các nước trên thế giới không có quy định cụ thể, rõ ràng về việc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự là một nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng hình sự. Đặc biệt, các nước theo hệ thống pháp luật Common Law mà đại diện điển hình là Vương quốc Anh thường có sự tách biệt giữa trách nhiệm hình sự và trách nhiệm dân sự. Một hành vi trái pháp luật và gây thiệt hại có thể dẫn đến hai tố quyền là tố quyền hình sự và tố quyền dân sự. Theo hệ thống pháp luật common law thì có sự phân biệt rõ ràng, tách bạch giữa pháp luật về hành vi gây thiệt hại ngoài hợp đồng và pháp luật về hình sự nên trong thủ tục tố tụng hình sự không giải quyết vấn đề về trách nhiệm dân sự. Vấn đề dân sự phát sinh khi có hành vi phạm tội không được giải quyết theo luật tố tụng hình sự mà được giải quyết theo một vụ kiện dân sự khác. Do đó, trong luật tố tụng hình sự của các nước theo hệ thống pháp luật common law không có điều luật nào quy định về việc giải quyết vấn đề dân sự. Tuy nhiên, pháp luật của các nước theo hệ thống Civil Law mà đại diện điển hình là Cộng hòa Pháp lại thừa nhận và giải quyết vấn đề dân sự phát sinh do hành vi phạm tội gây ra trong cùng vụ án hình sự đó hoặc có thể tách vấn đề dân sự ra để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự giống như luật tố tụng hình sự Việt Nam. Tòa hình sự xét xử một lần vụ kiện chung về hình sự và dân sự để quyết định về phần hình phạt và phần bồi thường thiệt hại phát sinh trong vụ án. Việc tách ra để giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự theo thủ tục tố tụng dân sự hay xét xử vụ án hình sự đồng thời giải quyết luôn vấn đề dân sự phải được thực hiện theo nguyên tắc hình hoãn hộ, theo đó nếu vụ án hình sự đã được Tòa hình sự thụ lý và đương sự lại đòi bồi thường trước Tòa dân sự thì phải đợi đến khi có bản án chung thẩm về hình sự thì đương sự mới được tiếp tục vụ kiện trước Tòa dân sự để bồi thường thiệt hại. Điều này có ý nghĩa là

tránh cho Tòa hình sự và Tòa dân sự cùng xử lý một vụ việc nhưng có thể đưa ra hai bản án trái ngược nhau [11].

Với những đặc điểm trên đây, có thể thấy hiện nay, việc nghiên cứu vấn đề dân sự trong vụ án hình sự là một việc hết sức cần thiết. Bên cạnh việc căn cứ vào các quy định về việc bồi thường dân sự trong vụ án hình sự của các nước trên thế giới cũng như cân nhắc vào điều kiện, trình độ và nhu cầu phát triển khoa học pháp lý hình sự mà Việt Nam sớm có những quy định sao cho phù hợp với xu hướng phát triển chung của thế giới.

Nhìn chung, hệ thống pháp luật các nước đều tương đồng trong việc quy định nhập hoặc tách việc giải quyết vấn đề dân sự trong khi xét xử vụ án hình sự. Tuy nhiên, Việt Nam cần phải có hẳn một chương quy định về việc bồi thường cho bị hại như hệ thống pháp luật của Đức đã quy định. Ngoài ra cần quy định rõ ràng hơn về trình tự xét xử đối với những vụ án hình sự liên quan đến vấn đề dân sự.

2.3. Thực tiễn giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh

2.3.1 Thực trạng giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh

Thành phố Hồ Chí Minh là thành phố lớn nhất Việt Nam về dân số và kinh tế, đồng thời cũng là một trong những trung tâm kinh tế và văn hóa, giáo dục quan trọng nhất của đất nước. Với đặc tính như vậy nên Thành phố Hồ Chí Minh thu hút nhiều nguồn nhân lực từ các tỉnh và việc thu hút nhân lực nhiều như vậy cũng đã dẫn đến tình trạng vi phạm pháp luật hình sự. Nguyên nhân là do chênh lệch về dân trí, ảnh hưởng của nền kinh tế thị trường nhiều thành phần và sự phát triển vượt bậc của công nghệ thông tin. Nhìn chung, trong những năm qua tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục được giữ vững và ổn định. Các lực lượng chức năng đã phối hợp tích cực để thực hiện các đợt cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm, làm tốt công tác nắm tình hình, quản lý chặt chẽ địa bàn, kịp thời phát hiện, đấu tranh xử lý nhiều vụ việc phát sinh. Tuy nhiên, tình hình tội phạm và vi phạm pháp luật tiếp tục có những diễn biến phức

tạp, tính chất mức độ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra ngày càng nghiêm trọng, đặc biệt là các vụ án về giết người ngày càng gia tăng.

Chính do sự chênh lệch về dân trí cũng đã dẫn đến việc năng lực, trình độ của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán còn nhiều hạn chế chưa đáp ứng đòi hỏi đấu tranh phòng, chống tội phạm. Ý thức trách nhiệm của một số cán bộ tiến hành tố tụng chưa cao, chưa chịu khó nghiên cứu, còn chủ quan, không xem xét nghiên cứu toàn bộ vụ án chỉ quan tâm đến chứng cứ buộc tội, thỏa mãn với lời khai nhận tội của bị can, không xem xét đến các mâu thuẫn, chứng cứ gỡ tội, so sánh với các nguồn chứng cứ khác. Chính vì những lẽ đó mà trong công tác xét xử, còn nhiều vụ án bị kháng cáo, khiếu nại, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm, tái thẩm, giám đốc thẩm; chất lượng xét xử còn thiếu sót dẫn tới một số bản án, quyết định của Tòa án bị hủy, sửa do lỗi chủ quan của thẩm phán; còn có một số bản án tuyên không rõ ràng nên dẫn đến việc khó tổ chức thi hành; việc xét cho các bị án được hoãn, tạm đình chỉ thi hành án chưa thật chặt chẽ theo quy định; việc phối hợp với các cơ quan tố tụng trong thực hiện các phiên tòa xét xử lưu động, thi hành án tử hình còn gặp nhiều khó khăn [26].

Theo đánh giá thì trong 05 năm qua (2013-2017), ngành Tòa án trên địa bàn đã thụ lý hơn 50.000 vụ án các loại. Chất lượng xét xử của Tòa án ngày càng được nâng cao, tỷ lệ các bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật bị hủy, sửa do lỗi chủ quan của thẩm phán, án quá hạn, án còn đang tạm đình chỉ giảm so với các năm trước. Tòa án đã tiến hành xét xử đúng người, đúng tội, không xét xử oan, không bỏ lọt tội phạm; các phán quyết của Hội đồng xét xử đều căn cứ tính chất, mức độ hành vi phạm tội, hậu quả của tội phạm xảy ra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, không có khiếu kiện bức xúc, gây bất bình trong nhân dân, không có dư luận xấu về tư cách, đạo đức và thái độ phục vụ nhân dân của cán bộ Tòa án hai cấp trong thực thi nhiệm vụ [26].

Sau đây, tôi xin đưa ra các bảng số liệu thống kê để thể hiện được tình hình giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh trong 05 năm qua (từ năm 2013 đến năm 2017):

Bảng 3.1: Tổng hợp số vụ án hình sự có giải quyết vấn đề dân sự từ năm 2013 - 2017 tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

Năm	Tổng số các vụ án hình sự sơ thẩm đã giải quyết	Tổng số các vụ án hình sự sơ thẩm có giải quyết vấn đề dân sự	Tỷ lệ (%)
2013	884	600	67,9
2014	992	632	63,7
2015	1031	636	61,7
2016	1027	644	62,7
2017	940	589	62,7

Nguồn: Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

Qua bảng biểu 3.1 cho thấy trong vòng 05 năm qua, số lượng vụ án hình sự sơ thẩm mà ngành Tòa án giải quyết được hơn 4000 vụ án các loại, trong đó số vụ án hình sự sơ thẩm có giải quyết vấn đề dân sự là hơn 3000 vụ, chiếm tỷ lệ khá cao khoảng 78% so với tổng số vụ án hình sự sơ thẩm. So với 05 năm từ 2008 -2012 thì số vụ án hình sự từ 2013-2017 tăng đều. Điều đó cho thấy tình hình tội phạm ngày càng tăng, tính chất các vụ án ngày càng phức tạp và phát sinh một số loại tội phạm mới nhưng ngành Tòa án Thành phố Hồ Chí Minh vẫn không ngừng nỗ lực khắc phục khó khăn, đề ra nhiều giải pháp hữu hiệu và tổ chức thực hiện quyết liệt để xét xử đúng người, đúng tội, không để án tồn.

Bảng 3.2: Tổng hợp số vụ án hình sự có giải quyết vấn đề dân sự bị kháng cáo, kháng nghị từ năm 2013 - 2017 tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

Năm	Tổng số các vụ án hình sự sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị	Tổng số các vụ án hình sự sơ thẩm có giải quyết vấn đề dân sự bị kháng cáo, kháng nghị	Tỷ lệ (%)
2013	177	139	78,4
2014	198	143	72,6

2015	206	157	76,1
2016	206	148	72,0
2017	188	134	71,4

Nguồn: Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

Từ bảng biểu 3.2 cho thấy số lượng vụ án sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị khoảng hơn 900 vụ, trong đó số vụ án hình sự sơ thẩm có giải quyết vấn đề dân sự bị kháng cáo, kháng nghị có khoảng hơn 600 vụ, chiếm tỉ lệ trên 70% so với tổng số vụ án hình sự bị kháng cáo, kháng nghị. Qua đó cho thấy, ngành Tòa án Thành phố Hồ Chí Minh đã quan tâm việc nâng cao chất lượng tranh tụng tại phiên tòa; đảm bảo cho những người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; tăng cường cải cách hành chính tư pháp để bảo đảm tính công khai, nâng cao trình độ của cán bộ nên số lượng vụ án bị kháng cáo, kháng nghị không cao so với những năm trước.

Bảng 3.3: Tổng hợp số vụ án hình sự có giải quyết vấn đề dân sự bị kháng cáo, kháng nghị phần dân sự từ năm 2013 - 2017 tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

Năm	Số vụ án hình sự sơ thẩm có giải quyết vấn đề dân sự bị kháng cáo, kháng nghị (vụ/bị cáo)	Số vụ án hình sự sơ thẩm có giải quyết vấn đề dân sự bị kháng cáo, kháng nghị phần dân sự (vụ/bị cáo)	Tỷ lệ (%)
2013	139	28	20,1
2014	143	29	20,3
2015	157	31	19,7
2016	148	30	20,3
2017	134	27	20,1

Nguồn: Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

Qua kết quả thống kê từ bảng biểu 3.4 cho thấy, trong tổng số các vụ án có giải quyết vấn đề dân sự bị kháng cáo, kháng nghị là hơn 600 vụ thì số vụ án bị kháng

cáo, kháng nghị phần dân sự chiếm tỷ lệ thấp khoảng hơn 100 vụ, chiếm tỉ lệ dưới 21%. Có thể nói chất lượng xét xử các vụ án hình sự có giải quyết vấn đề dân sự trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh là tốt.

Bảng 3.4: Tổng hợp kết quả xét xử phúc thẩm số vụ án hình sự có giải quyết vấn đề dân sự bị kháng cáo, kháng nghị phần dân sự từ năm 2013 - 2017 tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

Năm	Số vụ án hình sự sơ thẩm có giải quyết vấn đề dân sự bị kháng cáo, kháng nghị phần dân sự (vụ/bị cáo)	Kết quả giải quyết					
		Y án		Sửa phần dân sự		Hủy phần dân sự	
		Số vụ	Tỷ lệ %	Số vụ	Tỷ lệ %	Số vụ	Tỷ lệ %
2013	28	19	67,8	7	25	2	7,2
2014	29	23	79,3	5	17,2	1	3,5
2015	31	25	80,6	5	16,1	1	3,3
2016	30	21	70	8	26,7	1	3,3
2017	27	19	70,4	7	25,9	1	3,7

Nguồn: Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

Từ bảng số liệu 3.4 có thể thấy, kết quả xét xử phúc thẩm đa dạng song phần nhiều là y án sơ thẩm (trên 65%), tỷ lệ án sửa, hủy phần dân sự tương đối thấp do cấp sơ thẩm xác định sai tư cách người tham gia tố tụng, triệu tập không đầy đủ những người liên quan đến vụ án tham gia phiên tòa, quyết định mức bồi thường thiệt hại không chính xác, áp dụng sai các quy định của BLDS để giải quyết phần trách nhiệm dân sự trong vụ án hình án... nên đã dẫn đến sai lầm trong việc áp dụng pháp luật về nội dung. Một số vụ án bị sửa phần dân sự là do tại phiên tòa phúc thẩm những người tham gia tố tụng cung cấp thêm chứng cứ mới ví dụ như người bị hại xuất trình các hóa đơn thuốc men, điều trị...

Qua các bảng số liệu và những phân tích sơ bộ nêu trên có thể thấy rằng tuy quy định việc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự chưa cụ thể, rõ ràng, các điều luật nằm rải rác nhưng tỉ lệ vụ án bị kháng cáo, kháng nghị không nhiều.

2.3.2. Những kết quả đạt được

Theo số liệu thống kê được trong vòng 05 năm từ năm 2013- 2017 thì hầu hết các vụ án hình sự có liên quan đến vấn đề dân sự đều được giải quyết theo đúng trình tự, không xét xử oan, không bỏ lọt tội phạm, số vụ án bị kháng cáo, kháng nghị phần dân sự thấp hơn nhiều so với tỷ lệ của các vụ án hình sự khác, kết quả xét xử phúc thẩm phần nhiều thì hầu hết là giữ nguyên bản án sơ thẩm, một ít là sửa án sơ thẩm do các đương sự tự nguyện thỏa thuận phần bồi thường thiệt hại, rất ít bản án bị hủy phần dân sự. Một điều cho thấy mặc dù những quy định về việc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự rất ít, không cụ thể và nằm rải rác trong các điều luật nhưng thực trạng xét xử cho thấy tỷ lệ án sai chiếm tỷ lệ không cao. Điều này cho thấy, các cơ quan tiến hành tố tụng đã áp dụng pháp luật một cách đúng đắn và đầy đủ, các phán quyết đều căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, hậu quả của tội phạm xảy ra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

Về công tác xét xử thì từ bảng số liệu cho thấy những vụ án hình sự có giải quyết vấn đề dân sự chiếm tỷ lệ lớn trong tổng số các vụ án hình sự đã giải quyết, cụ thể ở các tội phạm: giết người, cướp tài sản, cố ý gây thương tích, trộm cắp tài sản, lừa đảo chiếm đoạt tài sản, vi phạm các quy định về giao thông đường bộ (đều là các vụ án phải giải quyết vấn đề dân sự) chiếm tỷ lệ lớn [26].

Bên cạnh đó, cơ quan tiến hành tố tụng còn tổ chức các chương trình phòng, chống tội phạm, công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật trên địa bàn, phối hợp với chính quyền địa phương tổ chức đưa ra xét xử lưu động nhiều vụ án với các tội phạm khác nhau tại nơi xảy ra vụ án.

Nhìn chung, không chỉ riêng các vụ án hình sự có liên quan đến vấn đề dân sự mà cả các loại vụ án hình sự mà Tòa án đã thụ lý qua các năm đều có tỷ lệ phần trăm tăng. Điều đó cho thấy mức độ phạm tội và tính chất của hành vi ngày càng đa dạng và phức tạp nhưng không vì thế mà cơ quan tiến hành tố tụng xét xử không đúng người, đúng tội. Hầu hết các vụ án hình sự đều được đưa ra xét xử trong thời hạn theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự và theo tinh thần cải cách tư pháp, bảo đảm cho những người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của

mình; phán quyết của Tòa án căn cứ chủ yếu vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét một cách toàn diện, khách quan các chứng cứ của vụ án, nên về cơ bản đã đảm bảo xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Chất lượng công tác xét xử tiếp tục được đảm bảo, nhìn chung tỷ lệ các bản án, quyết định bị hủy, sửa thấp hơn so với năm trước.

2.3.3. Một số tồn tại trong việc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự:

- Những hạn chế, vướng mắc:

Bên cạnh những kết quả đã đạt được thì việc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự vẫn còn nhiều hạn chế và vướng mắc.

Thứ nhất, theo quy định thì việc giải quyết bồi thường thiệt hại trong vụ án hình sự sẽ được tiến hành theo quy định của BLDS về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy khi giải quyết các vụ án hình sự do nhiều nguyên nhân khách quan cũng như chủ quan của Tòa án nên thường gặp nhiều khó khăn trong việc tính toán mức bồi thường mà bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho người bị thiệt hại. Điển hình như việc bồi thường về tổn thất tinh thần khi tính mạng, sức khỏe bị xâm phạm vì mỗi Tòa có cách ấn định mức bồi thường khác nhau.

Ví dụ:

+ Tại bản án hình sự sơ thẩm 11/HSST ngày 11/3/2014, Tòa án nhân dân quận 5 đã quyết định buộc bị cáo phải bồi thường tổn thất tinh thần cho gia đình người bị hại là 5.000.000 đồng. Trong khi đó, gia đình người bị hại yêu cầu 15.000.000 đồng nhưng bản án lại không nhận định vì sao chỉ giải quyết như vậy [28].

+ Tại bản án hình sự sơ thẩm số 138/HSST ngày 19/11/2014, Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh đã buộc bị cáo phải bồi thường tổn thất tinh thần theo yêu cầu của gia đình người bị hại là 20.000.000 đồng.

Qua xem xét các bản án thì việc tính đến khoản bù đắp tổn thất về tinh thần ít được các Tòa quan tâm, không có sự thống nhất với nhau trong việc ấn định mức bồi thường. Bên cạnh đó, còn chỉ chúng ta thấy việc một số Tòa án đưa ra mức bồi

thường quá cao so với hình phạt của bị cáo như vậy liệu có khả thi và được thi hành trên thực tế không. Điều này vô hình chung là các cơ quan tiến hành tố tụng đã gây cản trở cho người bị thiệt hại hưởng quyền lợi mà pháp luật trao cho họ.

Thứ hai, việc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự là một quá trình xuyên suốt từ khi điều tra cho đến khi thi hành án và trách nhiệm đó thuộc cả cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Thi hành án, chứ không chỉ riêng Tòa án. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án thì hầu như các cơ quan tiến hành tố tụng đều xem nhẹ việc giải quyết vấn đề dân sự mà chỉ tập trung nghiên cứu vấn đề hình sự nên dẫn đến nhiều vấn đề như: xác định không đúng tư cách chủ thể tham gia vào việc giải quyết dân sự trong vụ án hình sự, không triệu tập người có liên quan tham gia vào quá trình tố tụng, xác định trách nhiệm chứng minh đối với việc giải quyết dân sự trong vụ án hình sự,... từ đó làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, nguyên đơn dân sự cũng như ảnh hưởng đến việc xác định sự thật vụ án. Cụ thể như sau:

+ Xác định sai tư cách chủ thể tham gia vào việc giải quyết vụ án hình sự: việc xác định đúng tư cách của chủ thể tham gia vào quá trình giải quyết vụ án sẽ giúp họ thực hiện được quyền, nghĩa vụ mà pháp luật đã quy định, mặt khác tạo điều kiện cho cơ quan tiến hành tố tụng giải quyết vụ án được nhanh chóng chính xác và vấn đề bồi thường sẽ được giải quyết một cách thỏa đáng. Tuy nhiên, trong thực tế các cơ quan tiến hành tố tụng xác định chủ thể sai, gây khó khăn cho trong việc giải quyết vụ án

Ví dụ: tại Bản án số 1831/HSST ngày 30/09/2014 của Tòa án nhân dân Tp.HCM xét xử vụ: Đặng Công Chánh và đồng phạm phạm tội “Giết người”, nội dung vụ án như sau: Ngày 09/08/2013, Đặng Công Chánh, Hà Thanh Trung, Dương Văn Công, Nguyễn Huỳnh Vũ rủ nhau đi nhậu, anh Trần Văn Hoanh bán cá viên chiên. Trung kêu Hoanh lại mua 4 xâu cá viên chiên, anh Hoanh nói 8000 đồng thì Chánh chê đắt và hai bên lời qua tiếng lại cự cãi nhau. Sau đó, anh Hoanh đẩy xe đến chỗ vợ và anh trai nói chuyện. Thấy vậy, Chánh nghĩ Hoanh đang chuẩn bị đánh mình. Sau đó, Chánh đưa con dao bấm cho Trung, rồi đến gây sự và đánh anh

Hoanh. Liên lúc đó, Trung dùng dao đâm nhiều nhất vào bụng và ngực anh Hoanh, Vũ nhảy vào kẹp cổ anh Hoanh, Công chạy vào quán cà phê lấy cái ly ném vào đầu anh Hoanh. Sau đó, tất cả bỏ chạy, anh Hoanh được đưa đi cấp cứu và chết trên đường đưa đi đến bệnh viện. Bản án quyết định buộc các bị cáo Đặng Công Chánh, Dương Văn Công, Nguyễn Huỳnh Vũ liên đới bồi thường mai táng phí cho ông Trần Văn Hoanh là 5000000 đồng do bà Huỳnh Thị Kiều nhận [27]. Theo khoảng 3 Điều 57 của BLTTDS 2004 thì “Đương sự là người từ đủ mười tám tuổi trở lên có đầy đủ năng lực hành vi tố tụng dân sự”. Việc tôi đưa ra điều luật này để khẳng định bị cáo không có trách nhiệm bồi thường vì khi đưa vụ án ra xét xử thì bị cáo Đặng Công Chánh (sinh ngày 20/10/1996, vụ án đưa ra xét xử ngày 30/9/2014) chưa đủ 18 tuổi, nên người tham gia vào việc giải quyết phần dân sự trong vụ án hình sự phải là cha hoặc mẹ của bị cáo với tư cách là bị đơn dân sự. Do đó, phần nhận định bản án đã xác định sai tư cách tố tụng điều này gây cản trở cho việc thi hành án vì lúc này bị cáo phải chấp hành hình phạt tù lại không có tài sản để thi hành, gây bất lợi cho gia đình người bị hại. Việc giải quyết dân sự trong vụ án hình sự liên quan đến quyền lợi thiết thực và là vấn đề “nhạy cảm” nên các Tòa án cần thận trọng hơn nữa khi xác định tư cách tham gia của các chủ thể để tạo sự công bằng giữa các bên cũng như cho họ hưởng đúng các quyền và gánh vác các nghĩa vụ mà pháp luật trao cho họ.

+ Triệu tập thiếu những người có liên quan đến việc giải quyết phần dân sự tham gia vào quá trình tố tụng gây ảnh hưởng đến quyền lợi của người bị thiệt hại:

Ví dụ: tại Bản án số 102/HSST ngày 08/04/2013 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, xét xử: Nguyễn Văn Ngàn về tội “vi phạm quy định về điều khiển giao thông đường bộ”, nội dung vụ án như sau: vào khoảng 12 giờ ngày 20/02/2012, Nguyễn Văn Ngàn điều khiển xe tải lưu thông trên quốc lộ 1A, khi đèn tín hiệu màu đỏ ở ngã tư bật lên Ngàn cho xe dừng lại, lúc này, phía trước đầu xe tải có xe Honda do chị Lê Thị Xanh điều khiển cũng đang dừng. Khi đèn tín hiệu màu xanh bật, Ngàn điều khiển cho xe tải chạy qua ngã tư. Nhưng do thiếu chú ý quan sát, Ngàn không thấy xe máy và chị Xanh bên lề xe tải đụng vào xe máy và cán qua

người chị Xanh làm chị Xanh chết tại chỗ [29]. Đây là bản án đã bị Tòa án nhân dân Tp. HCM hủy, bởi lẽ khi vụ án đưa ra xét xử, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh không triệu tập người đại diện hợp pháp của người bị hại để tham gia, vi phạm nghiêm trọng quy định của BLTTHS trong việc bảo vệ quyền lợi của người bị hại cũng như gia đình của nạn nhân trong việc tham gia giải quyết bồi thường thiệt hại.

+ Xác định trách nhiệm chứng minh đối với việc giải quyết dân sự trong vụ án hình sự: tại khoản 4 Điều 63 BLTTHS 2004 quy định *“khi điều tra, truy tố và xét xử vụ án hình sự, cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án phải chứng minh tính chất và mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra”* tuy nhiên trên thực tế cơ quan tiến hành tố tụng chưa thực sự chú trọng đến việc chứng minh những thiệt hại xảy ra để ấn định mức bồi thường hợp lý mà thương chủ yếu dựa vào lời khai của người bị thiệt hại hoặc yêu cầu họ xác định mức bồi thường mà bị cáo phải gánh chịu.

Ví dụ: tại Bản án số 909/HSST của Tòa án nhân dân TpHCM xét xử vụ Phan Hoài Linh, can tội vi phạm quy định về điều khiển giao thông đường bộ, tôi xin nêu sơ lược nội dung vụ án như sau: khoảng 10 giờ ngày 19/02/2015, Phan Hoài Linh điều khiển xe gắn máy lưu thông trên đường, Linh điều khiển xe lấn trái nên đã đụng vào bánh trái xe trước do anh Hồ Đăng Thanh điều khiển có chở anh Vũ Đình Hiệp đang lưu thông theo hướng ngược lại. Tai nạn xảy ra làm cả hai ngã xuống đường, anh Hiệp bị thương nặng đưa đi cấp cứu, còn anh Thành bị thương nhẹ. Tại phiên tòa, về phân trách nhiệm dân sự: ông Hào là đại diện của gia đình anh Hiệp yêu cầu bồi thường 30.000.000 đồng. Bởi yêu cầu trên, bản án đã quyết định buộc anh Trung (chủ tiệm xe nơi anh Linh đến học nghề) phải bồi thường cho anh Hiệp số tiền 30.000.000 đồng chi phí điều trị [30]. Thông qua bản án trên, cho thấy các Tòa án hiện nay khi quyết định mức bồi thường chỉ đơn thuần dựa trên yêu cầu bồi thường của người bị hại, mà không có sự xem xét một cách khoa học về những khoản bồi thường, các cơ quan chỉ dựa vào cảm tính, ước lượng và đưa ra quyết định thi hành đối với bị cáo.

- Nguyên nhân của hạn chế, vướng mắc:

Những thiếu sót, hạn chế khi áp dụng để giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự dẫn đến sai lầm trong quá trình giải quyết là do những nguyên nhân cả về chủ quan lẫn khách quan.

✓ *Nguyên nhân khách quan:*

Với sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế trong thời kỳ hội nhập như hiện nay, tình hình tội phạm ngày càng gia tăng. Đặc biệt là các VAHS có giải quyết vấn đề trách nhiệm dân sự tăng lên rất nhiều và việc giải quyết vấn đề trách nhiệm dân sự trong các vụ án đó ngày càng phức tạp. Việc xác định đúng về những người tham gia tố tụng trong vụ án hình sự càng trở nên khó khăn. Trong khi đó, số cán bộ có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao tại các cơ quan tiến hành tố tụng còn thiếu, nhiều địa phương còn thiếu nguồn tuyển dụng cán bộ và bổ nhiệm các chức danh tư pháp như Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán đã tạo ra áp lực lớn trong việc thực hiện nhiệm vụ công tác của mình.

Về cơ sở pháp lý cho việc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự chúng ta mới chỉ có Điều 30 BLTTHS 2015 và một số quy định rải rác về việc tách vấn đề dân sự trong vụ án hình sự do đó chúng ta vẫn đang phải đối mặt với một thực tế là việc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự còn thiếu nhất quán, gặp nhiều sai lầm, thiếu sót.

Điều 30 BLTTHS quy định về việc tách vấn đề dân sự trong vụ án hình sự để giải quyết bằng một vụ án dân sự khác theo thủ tục tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bản thân BLTTHS 2015 cũng như các văn bản hướng dẫn thi hành lại không quy định rõ ai, cơ quan nào có quyền tách vấn đề dân sự trong vụ án hình sự để giải quyết. Vấn đề đặt ra là các cơ quan tiến hành tố tụng như Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án có quyền tách vấn đề dân sự trong vụ án hình sự để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự không hay quyết định tách vụ án chỉ được thực hiện bởi Hội đồng xét xử sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm? Bản thân những người tiến hành tố tụng được quy định tại khoản 2 Điều 34 BLTTHS có quyền quyết định việc tách này như thế nào, trên cơ sở và căn cứ pháp lý cụ thể nào? Những người tham gia tố tụng có quyền đề nghị tách phần dân sự để giải quyết bằng một vụ án dân sự hay không?

Điều 30 BLTTHS 2015 đưa ra một loạt các khái niệm như "vấn đề dân sự trong vụ án hình sự", "chưa có điều kiện chứng minh", "không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án hình sự" nhưng không giải thích hay làm rõ về các khái niệm này nên những người tiến hành tố tụng thường có cách hiểu khác nhau theo ý chí chủ quan, cảm tính của mình do đó dẫn đến tình trạng áp dụng không thống nhất trên phạm vi toàn quốc.

BLTTHS hiện hành quy định một nguyên tắc cơ bản buộc các cơ quan tiến hành tố tụng phải tiến hành một hoạt động tố tụng là giải quyết vấn đề dân sự đồng thời với việc giải quyết vụ án hình sự nhưng lại không quy định cách thức, trình tự, chuẩn mực cụ thể cho việc thực hiện quy định này. Chính vì vậy, về mặt thủ tục tố tụng, các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng khi giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự thường áp dụng, giải quyết theo sự nhận thức chủ quan của mình mà không có một cách thức hay một chuẩn mực chung nào dẫn đến tình trạng áp dụng thủ tục giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự thiếu thống nhất trên phạm vi toàn quốc.

BLTTHS đã đưa ra khái niệm, quy định các quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn dân sự. Tuy nhiên, theo tôi thì khái niệm này còn điểm hạn chế cần phải sửa đổi để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức bị hành vi phạm tội xâm hại. Theo quy định của BLTTHS thì trường hợp tội phạm gây ra thiệt hại tới tài sản của cá nhân, tổ chức và có đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại thì người bị thiệt hại mới được tham gia vụ án với tư cách là nguyên đơn dân sự. Trường hợp họ không có đơn yêu cầu bồi thường thì họ không được tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn dân sự và do đó thiệt hại về tài sản của cá nhân, tổ chức cũng không được xem xét, giải quyết. Theo chúng tôi đây là một điểm bất hợp lý, gây mất bình đẳng do đó cần phải sửa đổi quy định của BLTTHS về nguyên đơn dân sự.

Bên cạnh đó, một số bản án bị sửa phần dân sự còn do những người tham gia tố tụng thay đổi lời khai, tại phiên tòa cung cấp thêm những tình tiết mới.

✓ *Nguyên nhân chủ quan*

Các cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã không quan tâm đúng mức tới việc giải quyết vấn đề trách nhiệm dân sự mà chỉ chú trọng đến việc giải quyết vấn đề trách nhiệm hình sự. Trong quá trình khởi tố, điều tra vụ án hình sự, cơ quan tiến hành tố tụng thường ít quan tâm đến việc điều tra, xác định các khoản bồi thường thiệt hại và người được bồi thường, việc điều tra còn sơ sài nên dễ dẫn đến nhiều sai sót như xác định sai tư cách tham gia tố tụng của nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án hoặc chưa đưa đầy đủ những người này vào tham gia tố tụng do đó dẫn đến các quyết định bồi thường thiệt hại không chính xác.

Khi giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự những người tiến hành tố tụng mà đặc biệt là Thẩm phán đã không nghiên cứu kỹ BLDS và các hướng dẫn của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Việc giải quyết phần dân sự trong vụ án hình sự có nhiều trường hợp chưa tuân thủ đúng quy định tại Điều 30 BLTTHS và Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của BLDS 2005 về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng nên xác định không đúng thiệt hại, quyết định mức bồi thường không chính xác hoặc tách phần dân sự trong vụ án hình sự để giải quyết ở vụ án khác không đúng quy định của pháp luật.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ làm việc tại các cơ quan tiến hành tố tụng chưa được đầu tư đúng mức. Việc đào tạo, bồi dưỡng kiến thức cho cán bộ nhiều khi còn mang tính hình thức nên kết quả đạt được chưa cao. Việc quy định giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự là nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng hình sự là một giải pháp hợp lý của pháp luật Việt Nam trong điều kiện hiện nay. Tuy nhiên, trước những tồn tại trong những quy định của pháp luật cũng như trong thực tiễn áp dụng đòi hỏi chúng ta phải có những giải pháp đồng bộ, hữu hiệu hơn để bổ sung, giải thích các quy định pháp luật còn thiếu, còn chưa rõ ràng liên quan đến vấn đề xác định trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự. Chính vì vậy, chúng tôi xin đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện nguyên tắc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự.

Kết luận chương 2

Các phân tích được ghi nhận trong Chương này, có thể khái quát qua những kết luận sau:

Thứ nhất, nghiên cứu so sánh nội dung về giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự để đưa ra những điểm đã được khắc phục và chưa được khắc phục của BLTTHS và BLHS 2015 so với BTHS 1999 và BLTTHS 2003 là điều hết sức cần thiết trong việc hoàn thiện hệ thống pháp luật của nước ta hiện nay, đồng thời đáp ứng được yêu cầu phát triển không ngừng của xã hội.

Thứ hai, từ sự phân tích đặc điểm của các hệ thống pháp luật trên thế giới liên quan đến vấn đề giải quyết dân sự trong vụ án hình sự nhằm tìm ra được sự tương đồng và khác biệt về quy định pháp luật giữa các nước với Việt Nam để từ đó tham khảo kinh nghiệm quốc tế, học hỏi, tiếp thu có chọn lọc, đúc kết và thay đổi phù hợp với nhu cầu xã hội, nhu cầu thế giới.

Thứ ba, thống kê được tình hình xét xử các vụ án hình sự liên quan đến vấn đề dân sự trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh trong vòng 05 năm từ 2013-2017. Từ đó nêu lên được những kết quả đạt được và những mặt hạn chế trong việc áp dụng pháp luật để giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự

Có thể thấy những phân tích trong chương này cho thấy BLTTHS 2015 đã sửa đổi nhưng bản thân nó vẫn còn nhiều hạn chế, cần phải tiếp tục nghiên cứu thay đổi, phải được nhận thức và thể hiện đầy đủ trong quá trình sửa đổi BLTTHS và các văn bản pháp luật liên quan. Với việc phân tích, đánh giá được những vướng mắc, hạn chế trong thực tiễn giải quyết, trong thực tiễn áp dụng các quy định pháp luật thì vấn đề đặt ra tiếp theo ở đây là phải làm như thế nào để đưa ra các giải pháp để bảo đảm thực hiện đúng quy định của pháp luật về giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự. Câu trả lời sẽ được giải đáp trong chương tiếp theo.

Chương 3

GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM THỰC HIỆN ĐÚNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ DÂN SỰ TRONG VỤ ÁN HÌNH SỰ TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Trên cơ sở một số vấn đề chung về giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự đã được nghiên cứu trong Chương I và thực trạng áp dụng các quy định pháp luật về giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự được nghiên cứu tại Chương II, xuất phát từ những thay đổi của tình hình tội phạm và thực tiễn công tác xét xử trong 05 năm qua thì có thể nhận thấy, việc tiếp tục nghiên cứu để hoàn thiện các quy định của BLTTHS là cần thiết. Do đó, để nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, tránh vi phạm pháp luật trong thực tiễn giải quyết vụ án hình sự, trong giới hạn luận văn tôi đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện quy định pháp luật như sau:

3.1. Giải pháp về lập pháp

- Là một trong những nguyên tắc cơ bản được quy định trong BLTTHS 2015 nhưng việc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự lại thật sự chưa được quy định cụ thể, rõ ràng như giải quyết theo thủ tục như thế nào, phạm vi đến đâu, mà chỉ nằm rải rác ở các điều luật. Vì vậy cần cụ thể hóa nội dung của nguyên tắc vào những điều luật, bổ sung các thủ tục về trình tự, thủ tục tố tụng khi giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự trong BLTTHS hoặc trong các văn bản hướng dẫn để đảm bảo cho việc giải quyết dân sự trong vụ án hình sự được thống nhất, đồng bộ, góp phần tăng cường kỷ cương, phát huy tính pháp chế trong quá trình hoạt động tố tụng để quyền lợi của mọi công dân được đảm bảo hơn trên thực tế.

- Như đề cập ở những nội dung phía trên thì việc tội phạm xâm hại tới tài sản của cá nhân, cơ quan, tổ chức được xem là nguyên đơn dân sự buộc các cá nhân, cơ quan, tổ chức phải có đơn yêu cầu bồi thường. Việc này đã không đảm bảo quyền lợi của họ khi tham gia tố tụng. Vì xét trên thực tế thì đối với những trường hợp tội phạm trực tiếp xâm hại tới tài sản của cá nhân, cơ quan, tổ chức thì dù cá nhân, cơ quan, tổ chức đó có làm đơn yêu cầu bồi thường hay không cơ quan tiến hành tố

tụng vẫn phải xác định họ tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn dân sự. Bởi vì, trong trường hợp này dù nguyên đơn dân sự có đơn yêu cầu bồi thường hay không thì bị can, bị cáo, bị đơn dân sự vẫn phải thực hiện trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn dân sự.

- Khi đã quy định nguyên tắc hòa giải trong vụ án hình sự cũng cần phân biệt trường hợp nào bắt buộc hòa giải, trường hợp nào chỉ quy định nên hòa giải. Vấn đề quan trọng là hiệu quả của việc hòa giải đó như thế nào. Đối với các vụ án ít nghiêm trọng và nghiêm trọng do vô ý thì BLTTHS nên quy định hòa giải là bắt buộc. Tất nhiên, đối với vấn đề dân sự trong vụ án hình sự thì việc hòa giải là thủ tục bắt buộc đối với tòa án, trừ trường hợp BLTTDS quy định không được hòa giải như: mức trợ cấp cho người mất khả năng lao động hay mức phí tổn nuôi con.... Riêng đối với án khởi tố theo yêu cầu của bị hại, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, BLTTHS cần quy định bắt buộc phải “hòa giải”. Nếu bị hại đồng ý rút đơn khởi tố, cơ quan tiến hành tố tụng hướng dẫn họ viết đơn rút yêu cầu khởi tố, đồng thời ra quyết định đình chỉ vụ án. Nếu cơ quan tiến hành tố tụng không thực hiện là vi phạm tố tụng. Tuy nhiên, trường hợp việc hòa giải dẫn đến loại trừ trách nhiệm hình sự thì cơ quan tiến hành tố tụng chỉ hòa giải phần dân sự, còn người phạm tội vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của BLHS. Ví dụ: A lừa đảo chiếm đoạt 700 triệu đồng của B thì tòa án không thể hòa giải để giảm số tiền A chiếm đoạt, vì số tiền này thuộc tình tiết định khung hình phạt. Tuy nhiên, tòa án vẫn có thể hòa giải giữa B và A về việc bồi thường thiệt hại đối với số tiền 700 triệu đồng vì B có thể chỉ yêu cầu A phải bồi thường ít hơn, thậm chí không phải bồi thường.

Chính vì lẽ đó, pháp luật TTHS nên sớm đưa quy định việc hòa giải giữa các bên để họ chủ động hơn nữa trong việc thực hiện quyền lợi dân sự của mình.

- Cần quy định cụ thể, rõ ràng thẩm quyền, trình tự, thủ tục, thời hạn trong việc giải quyết vụ án hình sự nói chung, vấn đề dân sự trong vụ án hình sự nói riêng. Theo đó, cần quy định rõ ai, cơ quan nào có quyền tách vụ vấn đề dân sự trong vụ án hình sự và việc tách vấn đề dân sự trong vụ án hình sự được thực hiện ở giai đoạn nào của quá trình giải quyết vụ án. Theo tôi chỉ nên tách vấn đề dân sự trong

vụ án hình sự ở giai đoạn xét xử vì ở giai đoạn điều tra nếu vấn đề dân sự được giải quyết ngay trong vụ án hình sự thì cơ quan điều tra có thể làm sáng tỏ các tình tiết liên quan đến việc bồi thường ngay từ khi tiến hành điều tra vụ án. Còn nếu vấn đề đó được tách ra từ giai đoạn điều tra để giải quyết riêng ở phiên tòa dân sự thì khả năng đó sẽ không còn nữa bởi lẽ cơ quan điều tra không có trách nhiệm điều tra, xác minh các tình tiết của vụ án dân sự và điều này sẽ là sự thiệt thòi cho người tham gia tố tụng, phần nào làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của họ. Bên cạnh đó, cần quy định Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử có quyền tách vụ án nếu thấy có đủ căn cứ tách vụ án theo quy định của pháp luật và việc tách vụ án không ảnh hưởng đến việc giải quyết vấn đề dân sự. Ngoài ra, theo chúng tôi cần quy định những người tham gia tố tụng cũng có quyền đề nghị tách vấn đề dân sự trong vụ án hình sự nhằm tôn trọng nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng trong tố tụng dân sự. Tuy nhiên, trường hợp người tham gia tố tụng đề nghị tách vấn đề dân sự ra để giải quyết bằng một vụ án dân sự khác thì phải được sự đồng ý của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc tách này không ảnh hưởng tới việc giải quyết phần trách nhiệm hình sự.

- Cần xây dựng và quy định rõ trong BLTTHS hoặc trong các văn bản hướng dẫn thi hành các khái niệm "vấn đề dân sự trong vụ án hình sự", "chưa có điều kiện chứng minh", "không ảnh hưởng tới việc giải quyết vụ án hình sự". Theo chúng tôi, cần quy định:

+ Vấn đề dân sự trong vụ án hình sự là những quan hệ về đòi tài sản; đòi bồi thường giá trị tài sản do bị can, bị cáo chiếm đoạt nhưng bị mất hoặc bị hủy hoại; yêu cầu sửa chữa tài sản bị hư hỏng, bị hủy hoại; đòi bồi thường thiệt hại về lợi ích gắn liền với việc sử dụng, khai thác tài sản, chi phí hợp lý để ngăn chặn, khắc phục thiệt hại do tài sản bị chiếm đoạt; đòi bồi thường thiệt hại về vật chất và tinh thần do tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín bị hành vi phạm tội gây ra... hay nói cách khác là xét xử vấn đề dân sự trong vụ án hình sự chỉ trong phạm vi "trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng" theo quy định tại chương V BLDS.

+ Chưa có điều kiện chứng minh là trường hợp chưa xác định được bị hại, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án; bị hại và nguyên đơn dân sự chưa có yêu cầu; bị hại, nguyên đơn dân sự hoặc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có yêu cầu nhưng không cung cấp đầy đủ chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình; bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa và việc này thật sự gây trở ngại cho việc giải quyết phần dân sự.

+ Không ảnh hưởng tới việc giải quyết vụ án hình sự là phần dân sự được tách không liên quan đến việc xác định cấu thành tội phạm, việc xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị can, bị cáo.

3.2. Giải pháp về thực hiện pháp luật

Việc hoàn thiện các quy định của pháp luật về nguyên tắc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự sẽ tạo cơ sở pháp lý và là căn cứ để các cơ quan tiến hành tố tụng cũng như những người tiến hành tố tụng tiến hành giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự. Tuy nhiên, thực tiễn giải quyết vấn đề trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự có chính xác không còn phụ thuộc vào quá trình vận dụng pháp luật để giải quyết trong từng vụ án cụ thể. Do vậy, để góp phần nâng cao hiệu quả của hoạt động này, chúng ta cần thực hiện một số biện pháp khắc phục như sau:

- Trước hết cần hiểu một cách đầy đủ, đúng đắn và sâu sắc về các nội dung của nguyên tắc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự quy định tại Điều 30 BLTHS. Đồng thời phải tìm hiểu, nghiên cứu kỹ, thường xuyên cập nhật đầy đủ, kịp thời các văn bản pháp luật nói chung và các văn bản pháp luật có liên quan đến vấn đề trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự nói riêng, đặc biệt là các văn bản pháp luật dân sự, pháp luật tố tụng dân sự, các thông tư liên tịch, nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ban hành hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật để vận dụng giải quyết các vụ án cụ thể được chính xác.

- Cần có sự cân nhắc khi quyết định tách hay không tách vụ án sao cho vừa có lợi cho việc giải quyết vụ án vừa bảo đảm được quyền và lợi ích hợp pháp của người bị thiệt hại.

- Khi áp dụng pháp luật để giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự phải hiểu một cách đầy đủ, chính xác các khái niệm và nội dung quy định của pháp luật về người tham gia tố tụng nói chung và những người tham gia tố tụng có liên quan trực tiếp tới việc giải quyết vấn đề trách nhiệm dân sự trong vụ án như bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Cần có sự so sánh, phân biệt giữa những loại người tham gia tố tụng này để hiểu được bản chất của từng loại người từ đó có thể xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của từng loại người trong vụ án.

- Trong quá trình giải quyết vụ án hình sự, bên cạnh việc xử lý vấn đề trách nhiệm hình sự, các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng cần coi trọng cả việc giải quyết vấn đề dân sự. Không nên chỉ coi trọng việc giải quyết vấn đề trách nhiệm hình sự mà coi thường vấn đề dân sự trong vụ án. Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát cần điều tra kỹ vấn đề trách nhiệm dân sự trong vụ án giúp cho Tòa án có cơ sở vững chắc để quyết định đúng phần bồi thường thiệt hại. Tòa án cũng cần chú tâm giải quyết phần dân sự cho đúng luật, chính xác, tránh tuyên án chung dẫn đến trường hợp phải giải thích nhiều lần hoặc hủy án để xét xử lại.

- Những người tiến hành tố tụng cần nêu cao tinh thần trách nhiệm để quá trình giải quyết vụ án hình sự nói chung và giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự nói riêng được thực hiện theo đúng các quy định của BLHS, BLTTHS, BLDS, BLTTDS và theo tinh thần cải cách tư pháp, bảo đảm cho những người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Phán quyết của Tòa án phải căn cứ chủ yếu vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét một cách toàn diện, khách quan các chứng cứ của vụ án, đảm bảo xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

- Tăng cường công tác phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng, góp phần nâng cao chất lượng công tác điều tra, truy tố và xét xử án hình sự. Đặc biệt đối với các vụ án mà người bị hại đã chết, cơ quan điều tra phải lấy lời khai của những người đại diện hợp pháp của người bị hại đã chết để họ cử người đại diện hợp pháp tham gia tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử. Cơ quan điều tra phải điều

tra kỹ về vấn đề dân sự trong vụ án hình sự, về tình hình tài sản, điều kiện kinh tế của bị cáo trong vụ án hình sự để có căn cứ khi xét xử Tòa án quyết định về bồi thường dân sự và áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, tịch thu tài sản.

- Đối với các vụ án phức tạp hoặc có nhiều quan điểm khác nhau thì người có thẩm quyền tiến hành tố tụng cần nghiên cứu kỹ hồ sơ, tìm hiểu tài liệu và các quy định của pháp luật về vấn đề chưa rõ, cũng có thể làm công văn trao đổi nghiệp vụ hoặc báo cáo trực tiếp với cơ quan cấp trên để hạn chế các vi phạm tố tụng, sai sót về nội dung khi giải quyết vụ án.

- Làm tốt hơn nữa công tác tổng kết thực tiễn giải quyết các vụ án và hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật, kịp thời tháo gỡ những vướng mắc trong việc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án. Đặc biệt là đối với ngành Tòa án, nơi ra phán quyết cuối cùng để giải quyết vấn đề trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự.

3.3. Các giải pháp khác

Bên cạnh việc hoàn thiện các vấn đề liên quan đến lập pháp, thực hiện pháp luật thì chúng ta còn cần phải quan tâm đến các vấn đề khác, cụ thể như:

- Nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn của những người tiến hành tố tụng. Việc giải quyết dân sự trong vụ án hình sự là một trong những vấn đề phức tạp trong quá trình TTHS, nên bên cạnh việc hoàn thiện hệ thống pháp luật còn đòi hỏi những người tiến hành tố tụng áp dụng các quy phạm pháp luật đó như thế nào. Cho nên, để nguyên tắc này đạt được ý nghĩa mà pháp luật đã đặt ra, đòi hỏi người tiến hành tố tụng, cụ thể là: Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân phải nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn của mình. Nhà nước cần có những chính sách hỗ trợ họ như thường xuyên mở lớp bồi dưỡng hoặc tập huấn pháp luật không chỉ nhất thời mà phải có phương án đào tạo dài hạn mang tính chuyên nghiệp hơn. Bởi giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự không chỉ đơn thuần là giải quyết dân sự theo pháp luật hình sự hay pháp luật dân sự mà đây là vấn đề dân sự xảy ra trong vụ án hình sự nên khi giải quyết nó đòi hỏi mỗi cá nhân giải quyết phải hiểu biết quy định pháp luật của cả hai mảng này. Chính vì lẽ đó, mà giải pháp nêu trên là nhu cầu thiết yếu cần đặt ra ở đây.

- Tăng cường hợp tác quốc tế để học hỏi những tiến bộ về mặt lập pháp cũng như về mặt áp dụng pháp luật của các nước tiên tiến đồng thời cử cán bộ sang học tập, nâng cao trình độ nhằm đáp ứng yêu cầu giải quyết các vụ án hình sự đang ngày càng phức tạp trong tình hình hội nhập quốc tế hiện nay. Bản thân những người tiến hành tố tụng cần phải tự nghiên cứu, không ngừng học hỏi trong thực tiễn và từ đồng nghiệp để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng đòi hỏi ngày càng cao của xã hội nói chung và của nghề nghiệp nói riêng.

- Giáo dục đạo đức, phẩm chất cho cán bộ, tăng cường công tác kỷ luật nghiệp vụ, nâng cao ý thức trách nhiệm của mỗi cán bộ, đảm bảo cho mọi cán bộ đều phải có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp và tinh thần trách nhiệm cao trong công tác.

- Tuyên truyền ý thức pháp luật trong cộng đồng. Trong xã hội ngày nay, với nhận thức của con người được nâng cao, đã đến lúc Nhà nước cần tuyên truyền pháp luật một cách rộng rãi để tạo điều kiện cho mọi công dân tiếp cận một cách chủ động hơn nữa đến pháp luật hiện hành. Mà ở đây là nguyên tắc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự, đây là nguyên tắc được ban hành liên quan đến quyền lợi thiết thực của người dân khi quyền lợi của họ bị xâm phạm. Qua nguyên tắc này có thể giúp họ phần nào hiểu được quy định của luật, tạo điều kiện cho mọi tầng lớp nhân dân trong xã hội mỗi người sẽ tự mình ý thức thực hiện quyền và nghĩa vụ pháp luật TTHS trao cho nhằm giảm bớt tình trạng xâm phạm đến quyền lợi của người khác.

Kết luận chương 3

Trong điều kiện hiện nay, trước yêu cầu cải cách tư pháp thì việc hoàn thiện các quy định về giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự là một yêu cầu cấp thiết. Việc nâng cao chất lượng xét xử các vụ án hình sự nói chung và giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự nói riêng cần phải thực hiện đồng bộ các yếu tố như đảm bảo đúng thủ tục, nâng cao trình độ xét xử của đội ngũ cán bộ, tăng cường tuyên truyền, giáo dục pháp luật,...

KẾT LUẬN

Trong bối cảnh hiện nay, việc nghiên cứu, đánh giá hiệu quả của pháp luật, hiệu quả của các chế định pháp luật có ý nghĩa vô cùng quan trọng về lý luận và thực tiễn. Và việc nghiên cứu giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự là việc làm cần thiết, là một hướng nghiên cứu mới và cũng đáp ứng được nhu cầu cấp bách hiện nay trong việc áp dụng các quy định pháp luật liên quan để xét xử vụ án hình sự. Giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự là một trong những nguyên tắc cơ bản của BLTTHS và nó chi phối toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, từ giai đoạn khởi tố đến điều tra, truy tố, xét xử và cuối cùng là giai đoạn thi hành án. Trong quá trình tố tụng thì ngoài việc xác định khung hình phạt dành cho bị cáo thì các cơ quan tiến hành tố tụng còn phải xem xét và giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự. Vì vậy, phần dân sự cũng là một trong những vấn đề quan trọng và cần thiết đối với quá trình giải quyết vụ án hình sự. Cho nên, để đạt được mục đích cuối cùng của quá trình tố tụng thì những người tiến hành tố tụng phải triệt để tuân thủ pháp luật, tuân theo những tư tưởng chỉ đạo mang tính định hướng của pháp luật TTHS, góp phần vào việc đạt được mục đích cuối cùng của quá trình TTHS là tăng cường pháp chế, phát huy dân chủ, phòng ngừa tội phạm, đảm bảo hơn nữa quyền lợi của mọi công dân trước pháp luật.

Trong quá trình nghiên cứu, tôi nhận thấy rằng việc giải quyết dân sự trong vụ án hình sự là hết sức cần thiết và quan trọng. Chính sự ra đời của nguyên tắc này tạo điều kiện thuận lợi cho những người tiến hành tố tụng khi giải quyết phần dân sự trong vụ án hình sự. Ngoài ra, việc áp dụng quy định này còn đảm bảo quyền lợi của cá nhân, tổ chức bị thiệt hại trong quá trình giải quyết vấn đề bồi thường, cũng như đòi hỏi sự bảo vệ quyền lợi từ phía cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình thực thi pháp luật.

Trong phạm vi nghiên cứu của mình, luận văn đã đạt được những kết quả nghiên cứu như sau:

Thứ nhất, đánh giá một cách tổng quan về tình hình nghiên cứu việc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự ở nước ta trong thời gian qua. Kết quả

nghiên cứu này cho phép có một cái nhìn tổng quan, khách quan về xu hướng nghiên cứu giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự, đánh giá những thành tựu cũng như những hạn chế của việc nghiên cứu này.

Thứ hai, đưa ra được khái niệm, đặc điểm cơ bản của giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự, xem xét mối quan hệ giữa nguyên tắc này với một số nguyên tắc liên quan của luật tố tụng hình sự, khái quát được được lịch sử hình thành và phát triển của các quy định pháp luật về giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến nay cũng như các quy định pháp luật về giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự của một số nước trên thế giới.

Thứ ba, luận văn đã đưa ra những điểm mới, hạn chế của BLTTHS 2015 trong việc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự. Bên cạnh đó cũng đã tổng hợp các quy định pháp luật trong việc giải quyết vấn đề dân sự đồng thời với việc giải quyết vụ án hình sự và quy định về tách việc giải quyết vấn đề dân trong quá trình giải quyết vụ án hình sự. Ngoài ra đưa ra những kiến giải lập pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về vấn đề này.

Thứ tư, luận văn nghiên cứu thực tiễn áp dụng pháp luật về giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh trên cơ sở đánh giá quá trình xét xử các vụ án hình sự của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Thực tiễn áp dụng nguyên tắc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự vẫn còn có những hạn chế nhất định, nhiều trường hợp xác định sai tư cách người tham gia tố tụng, triệu tập không đầy đủ những người liên quan đến vụ án tham gia phiên tòa, quyết định mức bồi thường thiệt hại không chính xác, áp dụng sai các quy định của BLDS để giải quyết phân trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự... làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của các cá nhân, cơ quan, tổ chức. Nguyên nhân là do các quy định của pháp luật hiện hành về giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự còn thiếu, chưa cụ thể và thường được quy định rải rác trong các văn bản hướng dẫn thi hành; đội ngũ cán bộ trong các cơ quan tiến hành tố tụng còn thiếu, chưa được đào tạo, bồi dưỡng đầy đủ về chuyên môn, nghiệp vụ.

Qua quá trình phân tích những khó khăn vướng mắc, để nhằm hạn chế những quy định của pháp luật cũng như để tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình áp dụng pháp luật trong thời gian tới, luận văn đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng quy định về giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự, cụ thể: về lập pháp, phải từng bước hoàn thiện các quy định về việc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự. Đặc biệt cần quy định trình tự, thủ tục giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự, pháp điển hóa các quy định trong các văn bản hướng dẫn thành các điều luật trong BLHS, BLTTHS; về áp dụng pháp luật, bên cạnh việc xử lý vấn đề trách nhiệm hình sự, các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng cần coi trọng cả việc giải quyết vấn đề dân sự, cần thường xuyên cập nhật, nghiên cứu kỹ các quy định của BLDS, BLTTDS và các văn bản hướng dẫn thi hành để có thể giải quyết vụ án được đúng theo quy định của pháp luật; về công tác cán bộ, cần tăng cường việc đào tạo, đào tạo lại hoặc bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ trong các cơ quan tiến hành tố tụng theo hướng có chất lượng, hiệu quả, đảm bảo đủ về số lượng, tinh về chất lượng.

Việc chọn “*Giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự từ thực Thành phố Hồ Chí Minh*” làm đề tài luận văn sẽ góp phần vào việc hoàn thiện pháp luật và phát huy vai trò tích cực trong quá trình giải quyết vụ án hình sự. Tuy nhiên với thời gian cũng như nội dung nghiên cứu có hạn và khả năng, kinh nghiệm trong việc nghiên cứu khoa học còn hạn chế, nên sẽ không tránh khỏi những thiếu sót trong quá trình nghiên cứu. Tuy nhiên có thể nói luận văn đã có đóng góp kiến thức nhất định vào hệ thống lý luận chung của luật tố tụng hình sự về vấn đề này cũng như góp phần đưa ra được những giải pháp để nâng cao hiệu quả thi hành trong thực tiễn quy định về giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và đồng thời chỉ ra tính cấp bách của vấn đề này cần phải nghiên cứu trong thời gian tới.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Hòa Bình (2015), *Những định hướng cơ bản trong sửa đổi, bổ sung Bộ luật Tố tụng hình sự đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp*, Tạp chí Kiểm sát (Tân xuân 2015), tr. 24-33.
2. Thái Chí Bình (2014), *Hoàn thiện quy định Bộ luật tố tụng hình sự về vấn đề dân sự trong vụ án hình sự*, Nhà nước và pháp luật, (số 3), tr. 59-73.
3. Bộ Chính trị (2002), *Nghị quyết số 08 - NQ/TW ngày 02/01/2002 về một số nhiệm vụ trọng tâm của công tác tư pháp trong thời gian tới*, Hà Nội.
4. Bộ chính trị (2005), *Nghị quyết số 48 - NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ chính trị về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010*, Hà Nội.
5. Bộ chính trị (2005), *Nghị quyết số 49 - NQ/TW ngày 02/6/2005 về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.
6. Bộ Tư pháp (2006), *Từ điển Luật học*, Nhà xuất bản Tư pháp.
7. Nguyễn Ngọc Chí (2010), *Bàn về nguyên tắc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự*, Tạp chí Khoa học ĐHQGHN (Luật học), (số 26), tr.12-24
8. Đỗ Văn Đại (2007), *Bàn về việc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự*, Kiểm sát, (số 9), tr.32-34.
9. Nguyễn Xuân Đăng (2005), *Giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự*, Tòa án nhân dân, (số 21), tr.2-5.
10. Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (2006), *Nghị quyết số 03/2006 hướng dẫn áp dụng một số quy định của BLDS năm 2005 về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng*, Hà Nội.
11. Nguyễn Thị Thu Hương (2009), *Nguyên tắc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự*, Luận văn thạc sĩ Luật hình sự, Đại học quốc gia Hà Nội.
12. Nguyễn Đức Long (2007), *Vấn đề trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự*, Báo Công an Nghệ An, ngày 17/7.
13. Vũ Thị Minh (2017), *Giải quyết phần trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự như thế nào cho đúng*, Tạp chí Kiểm sát, (số 12), tr. 45-46 .

14. Nhà Pháp luật Việt - Pháp (1998), *Bộ luật Tổ tụng hình sự của nước Cộng hòa Pháp*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
15. Đinh Văn Quế (2005), *Vấn đề kháng nghị giám đốc thẩm về "dân sự" trong vụ án hình sự*, Tòa án nhân dân, (số 9), tr.12-15.
16. Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam (2013), *Hiến pháp*, Hà Nội.
17. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2015), *Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017*, Hà Nội.
18. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2003), *Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003*, Hà Nội.
19. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2015), *Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015*, Hà Nội.
20. Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam (2015), *Bộ luật dân sự*, Nxb chính trị quốc gia, Hà Nội.
21. Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam (2015), *Bộ luật tố tụng dân sự*, Nxb chính trị quốc gia, Hà Nội.
22. Hoàng Thị Minh Sơn (2016), *Những nội dung mới trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 (sách chuyên khảo): Những người tham gia tố tụng*, Nxb chính trị quốc gia, Hà Nội.
23. Hoàng Thị Minh Sơn (chủ biên, 2015), *Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
24. Hoàng Thị Sơn (1988), *Việc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự*, Tạp chí Luật học, (số 6), tr. 20-23.
25. Lê Nguyên Thanh (2010), *Một số vấn đề về giải quyết dân sự trong vụ án hình sự*, Tạp chí Khoa học pháp lý, (số 1), tr.25-32.
26. Tòa án nhân dân Tp. HCM (2013-2017), *Báo cáo tổng kết tình hình công tác ngành Tòa án Tp.HCM*, Tp. HCM.
27. Tòa án nhân dân Tp. HCM (2014), *Bản án hình sự sơ thẩm số 1831/HSST ngày 30/09/2014*, Tp.HCM.

28. Tòa án nhân dân quận 5 (2014), *Bản án hình sự sơ thẩm 11/HSST ngày 11/3/2014*, Tp.HCM.
29. Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh (2013), *Bản án hình sự số 102/HSST ngày 08/04/2013*, Tp. HCM.
30. Tòa án nhân dân Tp. HCM (2016), *Bản án hình sự số 909/HSST*, Tp. HCM.
31. Tòa án nhân dân Tp. HCM (2013), *Thống kê tình hình xét xử của ngành Tòa án nhân dân TP. HCM năm 2013*, Tp. HCM.
32. Tòa án nhân dân Tp. HCM (2014), *Thống kê tình hình xét xử của ngành Tòa án nhân dân TP. HCM năm 2014*, Tp. HCM.
33. Tòa án nhân dân Tp. HCM (2015), *Thống kê tình hình xét xử của ngành Tòa án nhân dân TP. HCM năm 2015*, Tp. HCM.
34. Tòa án nhân dân Tp. HCM (2016), *Thống kê tình hình xét xử của ngành Tòa án nhân dân TP. HCM năm 2016*, Tp. HCM.
35. Tòa án nhân dân Tp. HCM (2017), *Thống kê tình hình xét xử của ngành Tòa án nhân dân TP. HCM năm 2017*, Tp. HCM.
36. Tòa án nhân dân tối cao (2003), *Công văn số 121/2003/KHXX ngày 19/9/2003 hướng dẫn thủ tục giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự*, Hà Nội.
37. Tòa án nhân dân tối cao (2016), *Giải đáp một số vấn đề về hình sự, tố tụng hình sự, dân sự, tố tụng dân sự*, Hà Nội.
38. Tòa án nhân dân tối cao (2016), *Tài liệu tập huấn các Bộ luật, Luật được Quốc Hội khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua*, Hà Nội.
39. Ngô Thị Trang (2002), *Vấn đề trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự*, Tạp chí Tòa án nhân dân, (số 10), tr. 15-17.
40. Trường Đại học Luật Tp. HCM (2016), *Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Hồng Đức – Hội luật gia Việt Nam, Hà Nội.
41. Trường Đại học Luật Tp. HCM (2015), *Tập bài giảng Pháp luật về Hợp đồng và Bồi thường thiệt hại ngoài Hợp đồng*, Nxb Hồng Đức – Hội luật gia Việt Nam, Hà Nội.

42. Nguyễn Văn Trọng (2007), *Bàn về thủ tục tố tụng khi điều tra lại hoặc xét xử lại phần dân sự trong vụ án hình sự*, Kiểm sát, (số 9), tr.18-21.
43. Nguyễn Văn Tuấn (2011), *Thủ tục giải quyết việc kiện dân sự trong vụ án hình sự*, Dân chủ và pháp luật, (số 9), tr. 7-9.
44. Nguyễn Văn Tuấn (2011), *Bản chất và phạm vi giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự*, Dân chủ và pháp luật, (số 8), tr. 20-22.
45. Nguyễn Văn Tuấn (2013), *Những nguyên tắc cơ bản trong Bộ luật Tố tụng hình sự Việt Nam và vấn đề hoàn thiện*, Dân chủ và pháp luật, (Số chuyên đề Cải cách tư pháp và pháp luật), tr. 15-18;
46. Nguyễn Thanh Tùng (2016), *Vấn đề dân sự trong vụ án hình sự từ thực tiễn thành phố Hà Nội*, Luận văn thạc sĩ, Học viện khoa học xã hội.
47. Ủy ban Tư pháp (2015), *Báo cáo về thẩm tra dự án Bộ luật tố tụng hình sự (sửa đổi)*, Hà Nội.
48. Ủy ban thường vụ Quốc Hội (2015), *Báo cáo số 1020/BC-UBTVQH13 về giải trình tiếp thu, chỉnh lý dự thảo Bộ luật hình sự (sửa đổi)*, Hà Nội.
49. Viện Hàn Lâm Khoa Học Xã Hội Việt Nam (2015), *Các chức năng của tố tụng hình sự trong bối cảnh cải cách tư pháp ở Việt Nam hiện nay*, Hội thảo khoa học.
50. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2015), *Báo cáo tổng kết thực tiễn 10 năm thi hành Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003*, Hà Nội.
51. Viện Khoa học kiểm sát (2002), *Bộ luật Tố tụng hình sự Cộng hòa liên bang Đức*, (Tài liệu dịch), Hà Nội.
52. Viện Khoa học kiểm sát (2002), *Bộ luật Tố tụng hình sự liên bang Nga*, (Tài liệu dịch), Hà Nội.
53. Viện Khoa học kiểm sát (2002), *Bộ luật Tố tụng hình sự Trung Quốc*, (Tài liệu dịch), Hà Nội.
54. Viện Khoa học Kiểm sát (2002), *Bộ luật Tố tụng Hình sự Vương quốc Anh*, (Tài liệu dịch), Hà Nội.

55. Quách Thành Vinh (1998), *Về bồi thường thiệt hại ngoài Hợp đồng đối với thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm*, Tạp chí Tòa án nhân dân, (số 10), tr.30-34.
56. Võ Khánh Vinh (chủ biên, 2006), *Bình luận khoa học Bộ luật tố tụng hình sự*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.
57. Võ Khánh Vinh (chủ biên, 2011), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam phần chung*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.
58. Võ Khánh Vinh (chủ biên, 2011), *Giáo trình luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.
59. Võ Khánh Vinh (chủ biên, 2011), *Giáo trình luật thi hành án hình sự Việt Nam*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.
60. Đoàn Thị Ngọc Hải, *Giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự*.<http://moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/ngghien-cuu-trao-doi.aspx?ItemID=1837>, ngày cập nhật 26/08/2015.
61. Trần Thị Hồng Việt, *Giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự*.<https://thongtinphapluatdansu.edu.vn/2009/06/30/3220-2>, ngày cập nhật 30/06/2009.
62. Trần Văn Hùng, *Quy định về “bị hại” trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015*. <http://tapchitoaan.vn/bai-viet/phap-luat/quy-dinh-ve-bi-hai-trong-bo-luat-to-tung-hinh-su-nam-2015>, ngày cập nhật 05/02/2018.